

UNIT 1: MY FRIENDS

PART 1: GETTING STARTED:

- Describe these groups of friends and their favorite activities:

Describe these groups of friends and their favorite activities.



a. What are the boys doing? → _____

b. What are the girls doing? → They're reading books / doing exercise / studying in groups.

c. What are the boys doing? → _____

d. What are the girls doing? → _____

PART 2: LISTEN AND READ:

- In this part, we are going to read conversation of Hoa and Lan. Then answer three questions:

LISTEN AND READ.

Hoa: Hello, Lan.
Lan: Hi, Hoa. You seem happy.
Hoa: I am. I received a letter from my friend Nien today.
Lan: Do I know her?
Hoa: I don't think so. She was my next-door neighbor in Hue.
Lan: What does she look like?
Hoa: Oh, She's beautiful. Here is her photograph
Lan: What a lovely smile! Was she your classmate?
Hoa: Oh, no. She wasn't old enough to be in my class.
Lan: How old is she?
Hoa: Twelve. She's going to visit me. She'll be here at Christmas. Would you like to meet her?
Lan: I'd love to.



1. Who are they talking about? → _____

2. What does he / she look like? → _____

(beautiful, cute, attractive or unattractive, ugly?)

- Practice reading the conversation to see **HOW BEAUTIFUL SHE IS** on page 10. Then answer the questions:

3. What about her smile? → _____

4. What about her hair? → _____

5. Is she tall, short or about medium height? → _____

6. Is she fat or slim? → _____

7. How old is she? → _____

8. Is she in the same class with Hoa? → _____

9. Where does Nien live? → _____

10. Is she Hoa's sister? → _____

11. When is she going to visit Hoa? → _____

Dịch bài:

1. Hoa: Chào Lan.

2. Lan: Chào Hoa. Bạn có vẻ vui.

3. Hoa: Đúng thế. _____

4. Lan: _____

5. Hoa: _____

6. Lan: _____ ?

7. Hoa: Ô! Bạn ấy rất xinh. Ảnh bạn ấy đây này.

8. Lan: _____ ?

9. Hoa: _____

10. Lan: _____ ?

11. Hoa: _____

12. Lan: Thích lắm chứ.

*** Describing HAIR:**

Size	Style	Color			(Danh từ chính)
long / short / medium	straight / curly / wavy / bald	Black (dark)/ blond(fair) / brown			+ hair

(or to have a crew cut)

* **Describing BUILD:** (size in connection with strength and muscle for people)

Male	Female
1. tall , short	tall , short
2. thin / skinny = very thin!	slim / skinny = very thin
3. well-built = muscular	
4. fit : healthy and physically strong.	fit
5. be/a man of medium-build <u>d</u>	be/a woman of medium-build <u>d</u>

E.g. *He was (a man) of medium height/ build with blond hair and light blue eyes.*

Grammar points:

* Present simple to talk about general truths (Review)

* Past Simple tense (Review)

* Adj + enough + to infinitive: (...đủ ...để làm gì)
E.g. She is **tall** enough to play basketball.

Enough + N + to infinitive: (...có đủ cái gì để làm gì)
E.g. She doesn't have enough **time** to play basketball every day.

* be going to + V: to express **An Intention**
E.g. She is going to play for the school team.

HOMEWORK: Complete all the tasks on page 11, 12 and 13 (if you have a book!)

PART 3: READ:

READ .

Bao is talking about his friends.

I am lucky enough to have a lot of friends. Of all my friends, Bao, Khai, and Song are the ones I spend most of my time with. Each of us, however, has a different character.

Bao is the most sociable. He is also extremely kind and generous. He spends his free time doing volunteer work at a local orphanage, and he is a hard-working student who always gets good grades.

Unlike Bao, Khai and Song are quite reserved in public. Both boys enjoy school, but they prefer to be outside the classroom. Song is our school's star soccer player, and Khai likes the peace and quiet of the local library.



I am not as outgoing as Bao, but I enjoy telling jokes. My friends usually enjoy my sense of humor. However, sometimes my jokes annoy them.

Although we have quite different characters, the four of us are very close friends.

Read the passage about Ba and his friends. Then do Task 1 on page 14.

1. Choose the best answer and write.

- | | |
|---|---|
| <p>a) Ba talks about ____ of his friends.</p> <p>A. three</p> <p>B. all</p> <p>C. four</p> <p>D. none</p> | <p>b) Bao's volunteer work ____</p> <p>A. helps him make friends</p> <p>B. causes problems at exam time</p> <p>C. does not affect his school work</p> <p>D. takes up a lot of time</p> |
| <p>c) Khai and Song ____</p> <p>A. like quiet places</p> <p>B. don't talk much in public</p> <p>C. dislike school</p> <p>D. enjoy sports</p> | <p>d) Ba's friends sometimes ____ his jokes.</p> <p>A. answer</p> <p>B. do not listen to</p> <p>C. laugh at</p> <p>D. get tired of</p> |

Answer the questions (page 14):

2. Now answer the questions.

- a) How does Ba feel having a lot of friends?**
- b) Who is the most sociable?**
- c) Who likes reading?**
- d) What is a bad thing about Ba's jokes?**
- e) Where does Bao spend his free time?**
- f) Do you and your close friends have the same or different characters?**

New words:

- | | | |
|--------------|-------|------------------------|
| 1. affect | (v) | ảnh hưởng |
| 2. annoy | (v) | làm bực mình, quấy rầy |
| 3. character | (n) | tính cách, tính nết |
| 4. different | (adj) | khác biệt |
| 5. extremely | (adv) | cực kỳ, vô cùng |
| 6. bald | (adj) | hói (đầu), trọc (đôi) |
| 7. blond | (adj) | vàng hoe (tóc) |
| 8. straight | (adj) | thẳng (tóc) |

9. curly	(adj)	quăn, xoăn (tóc)
10. wavy	(adj)	gợn sóng (tóc)
11. slim	(adj)	thanh mảnh, mảnh dẻ
12. fair	(adj)	trắng (da), vàng nhạt (tóc)
13. generous	(adj)	hào phóng, rộng rãi
14. humorous	(adj)	hài hước, khôi hài
15. outgoing	(adj)	cởi mở, thân thiện, dễ hòa đồng
16. reserved	(adj)	kín đáo, dè dặt
17. sociable	(adj)	chan hòa, hòa đồng
18. silly	(adj)	ngớ ngẩn, ngốc nghếch
19. volunteer	n	tình nguyện viên
20. volunteer	v	tình nguyện
21. introduce	v	giới thiệu
22. joke	n	lời nói đùa, chuyện đùa
23. local	(adj)	(thuộc về) địa phương
24. Mars	n	sao Hỏa
25. Mercury	n	sao Thủy
26. moon	n	mặt trăng
27. neighbor	n	hàng xóm, láng giềng
28. orphanage	n	trại trẻ mồ côi
29. peace	n	sự yên bình, sự hòa thuận
30. photograph	n	bức ảnh
31. pleasure	n	điều thú vị, niềm vui thích
32. principal	n	hiệu trưởng
33. rise	v	mọc (mặt trời), nhô lên
34. seem	v	có vẻ như, dường như
35. west	n	phía Tây
36. east	n	phía đông

Dịch Bài:

Ba is talking about his friends.

I am lucky enough to have a lot of friends. Of all my friends, Bao, Khai, and Song are the ones I spend most of my time with. Each of us, however, has a different character.

Bao is the most sociable. He is also extremely kind and generous. He spends his free time doing volunteer work at a local orphanage, and he is a hard-working student who always gets good grades.

Unlike Bao, Khai and Song are quite reserved in public. Both boys enjoy school, but they prefer to be outside the classroom. Song is our school's star soccer player, and Khai likes the peace and quiet of the local library.

I am not as outgoing as Bao, but I enjoy telling jokes. My friends usually enjoy my sense of humor. However, sometimes my jokes annoy them.

Although we have quite different characters, the four of us are very close friends.

Ba đang nói về các bạn của cậu ấy.

Bài 3: TẾ BÀO**I/ CẤU TẠO TẾ BÀO:** (*Học bảng 3-1 trang 11/SGK*)

Các bộ phận	Các bào quan	Chức năng
Màng sinh chất		Giúp tế bào thực hiện trao đổi chất
Chất tế bào		Thực hiện hoạt động sống của tế bào
	Lưới nội chất	Tổng hợp và vận chuyển các chất
	Riboxom	Nơi tổng hợp protein
	Ti thể	Tham gia hô hấp tế bào và giải phóng năng lượng
	Bộ máy gongi	Thu nhận, hoàn thiện, phân phối sản phẩm
	Trung thể	Tham gia quá trình phân chia tế bào
Nhân		Điều khiển mọi hoạt động sống của tế bào
	Nhiễm sắc thể	Là cấu trúc quy định sự hình thành prôtêin có vai trò quyết định trong di truyền
	Nhân con	Tổng hợp ARN riboxom (rARN)

II / HOẠT ĐỘNG SỐNG CỦA TẾ BÀO: Trao đổi chất, lớn lên, phân chia, cảm ứng.

Bài 4: MÔ
I/ KHÁI NIỆM:

Mô là một tập hợp các tế bào chuyên hoá, có cấu trúc giống nhau, cùng đảm nhận một chức năng nhất định.

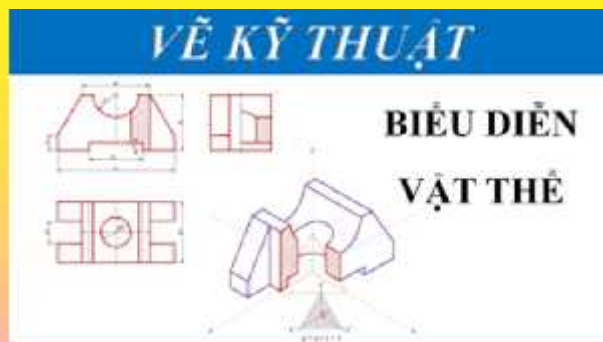
II/ CÁC LOẠI MÔ: (*HS chỉ cần học phân chức năng của các loại mô*).

	<i>Mô biểu bì</i>	<i>Mô liên kết</i>	<i>Mô cơ</i>	<i>Mô thần kinh</i>
Đặc điểm	+ Tế bào xếp sát nhau. + Phủ ngoài cơ thể (da), lót trong các cơ quan (mạch máu, ống tiêu hoá...)	+ gồm các tế bào liên kết nằm rải rác trong chất nền. + gồm mô sợi, mô sụn, mô xương, mô mỡ ...	+Tế bào dài, xếp thành lớp, thành bó. + gồm: mô cơ vân, mô cơ trơn, mô cơ tim.	Gồm tế bào thần kinh (nơron) và tế bào thần kinh đệm
Chức năng	Bảo vệ, hấp thụ, tiết.	Nâng đỡ, liên kết các cơ quan.	Co dãn, tạo nên sự vận động cơ thể.	Tiếp nhận kích thích, xử lý thông tin, điều hoà hoạt động các cơ quan

TRƯỜNG THCS LAM SƠN QUẬN 6 TP HCM

CÔNG NGHỆ 8

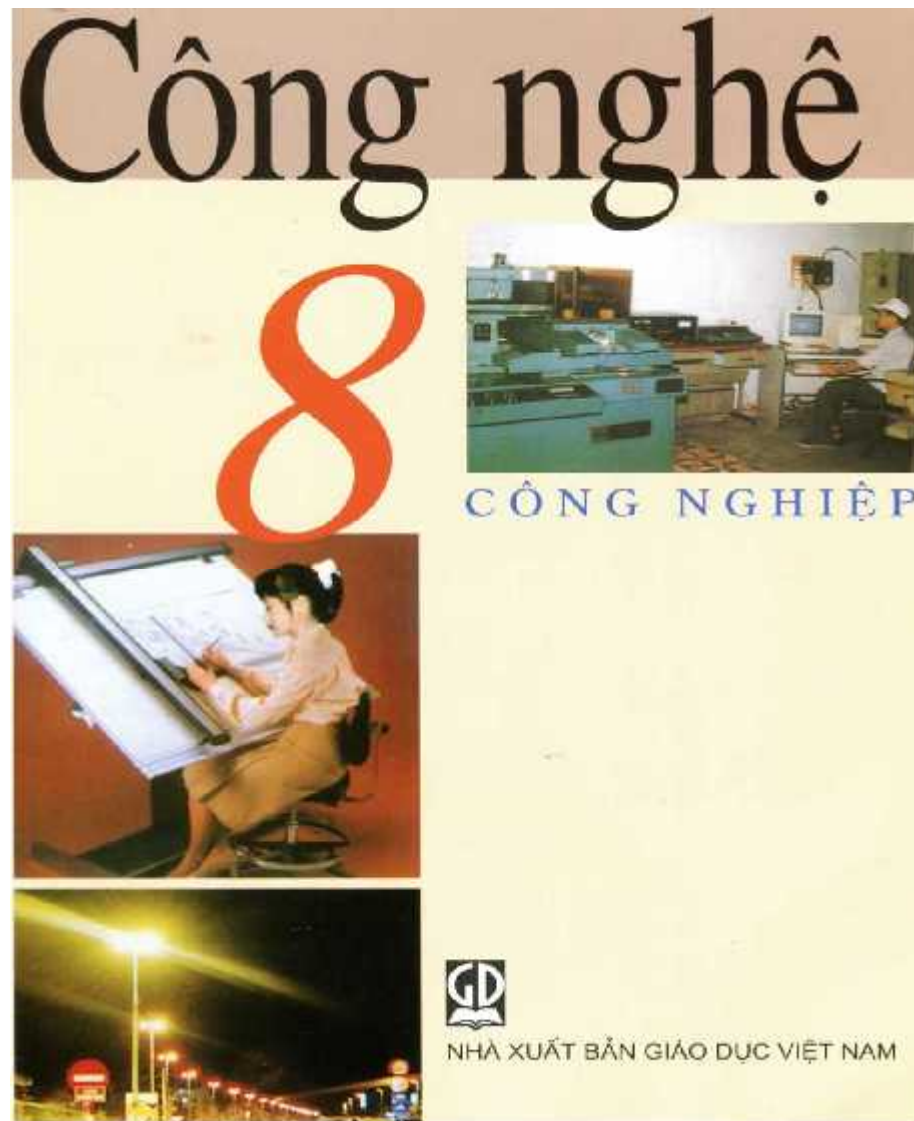
CÔNG NGHIỆP



GIÁO VIÊN : ĐẶNG THI LONG

10/09/2021

SÁCH GIÁO KHOA CÔNG NGHỆ 8



PHẦN I: VẼ KỸ THUẬT

CHƯƠNG I: Bản Vẽ Các Khối Hình Học

CHƯƠNG II: Bản Vẽ Kỹ Thuật

PHẦN II: CƠ KHÍ

CHƯƠNG III: Gia Công Cơ Khí

CHƯƠNG IV: Chi Tiết Máy Và Lắp ghép

CHƯƠNG V: Truyền Và Biến Đổi Chuyển Động

PHẦN III: KỸ THUẬT ĐIỆN

CHƯƠNG VI: An Toàn Điện

CHƯƠNG VII: Đồ Dùng Điện Gia Đình

CHƯƠNG VIII: Mạng Điện Trong Nhà

PHẦN I: VẼ KỸ THUẬT

CHƯƠNG I: Bản Vẽ Các Khối Hình Học

Bài 1: VAI TRÒ CỦA BẢN VẼ KỸ THUẬT TRONG SẢN SUẤT VÀ ĐỜI SỐNG.



Phần ghi bài học



a, Tiếng nói



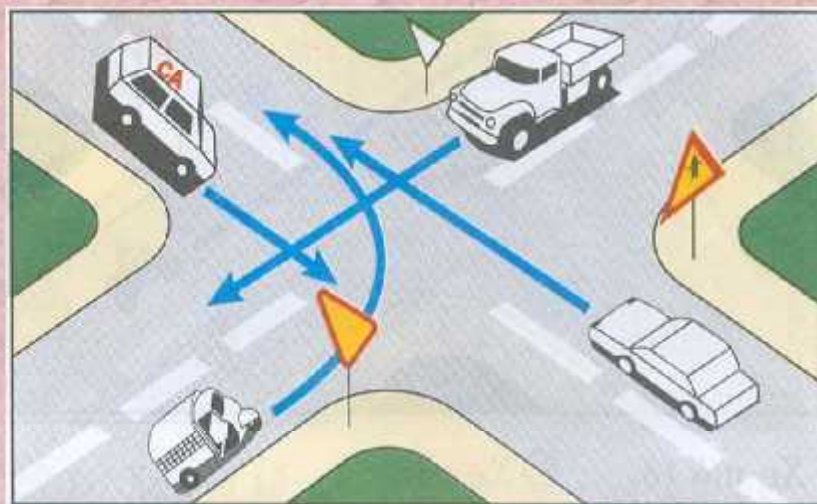
b, Chữ viết



c, Cử chỉ



d, Hình vẽ



e, Hình vẽ

? Cho biết các hình trên có ý nghĩa gì ?



MẶT BẰNG BỐ CẤP THOÁT NƯỚC

I. KHÁI NIỆM VỀ BẢN VẼ KỸ THUẬT



- Bản vẽ kỹ thuật (gọi tắt là bản vẽ) trình bày các thông tin kỹ thuật của sản phẩm dưới dạng các hình vẽ và các kí hiệu theo các quy tắc thống nhất và thường vẽ theo tỉ lệ.

- Mỗi lĩnh vực kỹ thuật có loại bản vẽ của ngành mình, trong đó có 2 loại bản vẽ thuộc 2 lĩnh vực quan trọng là:

- + Bản vẽ cơ khí: gồm các bản vẽ liên quan đến thiết kế, chế tạo, lắp ráp, sử dụng,...các máy và thiết bị
- + Bản vẽ xây dựng: gồm các bản vẽ liên quan đến thiết kế, thi công, sử dụng,... các công trình kiến trúc và xây dựng

II. BẢN VẼ KỸ THUẬT ĐỐI VỚI SẢN XUẤT

Em hãy cho biết
các hình 1.2a,b
và c liên quan
như thế nào đến
bản vẽ kỹ thuật



+H1.2a: Người thiết kế vẽ ra bản vẽ kỹ thuật

+H1.2b: Các công nhân dựa vào bản vẽ để thi công

+H1.2c: Bản vẽ kỹ thuật giúp những người thiết kế khác có thể hiểu và đánh giá được bản vẽ và công trình.



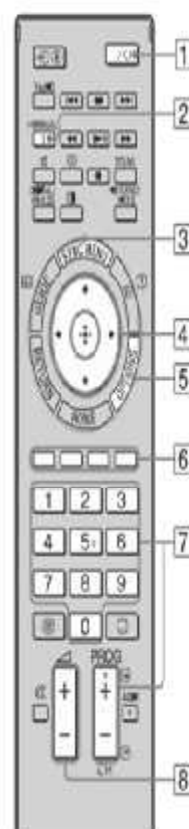
II. BẢN VẼ KỸ THUẬT ĐỐI VỚI SẢN XUẤT

- + Bản vẽ kỹ thuật có vai trò quan trọng
- + Bản vẽ diễn tả chính xác hình dạng kết cấu của sản phẩm và đầy đủ thông tin cần thiết như: kích thước, vật liệu...
- + Căn cứ bản vẽ ta có thể tiến hành chế tạo, lắp ráp, thi công,...



-Bản vẽ diễn tả chính xác hình dạng kết cấu của sản phẩm hoặc công trình. Do vậy bản vẽ KT là ngôn ngữ dùng chung trong KT.

III. BẢN VẼ KỸ THUẬT ĐỐI VỚI ĐỜI SỐNG



For KDL-60/55/46/40/
32EX72x

1 TV

Nhấn để bật TV và tắt từ chế độ chờ.

2 i-HƯỚNG DẪN

Hiện thị được xây dựng trong hướng dẫn sử dụng (i-Manual)

3 SYNC MENU

Hiện thị menu BRAVIA Sync hoạt động BRAVIA Sync tương thích với thiết bị được kết nối với TV.

4

Di chuyển con trỏ trên màn hình, và xác nhận các mục

5 LỰA CHỌN

Hiện thị một danh sách các chức năng tiện lợi và các phím tắt menu. Các mục trình đơn khác nhau dựa trên đầu vào hiện tại và / hoặc nội dung.

6 NÚT MÀU

Khi các nút màu có sẵn, một hướng dẫn hoạt động xuất hiện trên màn hình.

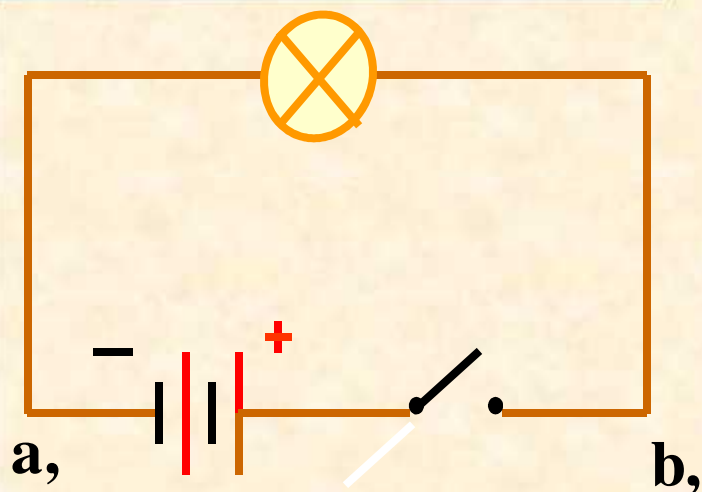
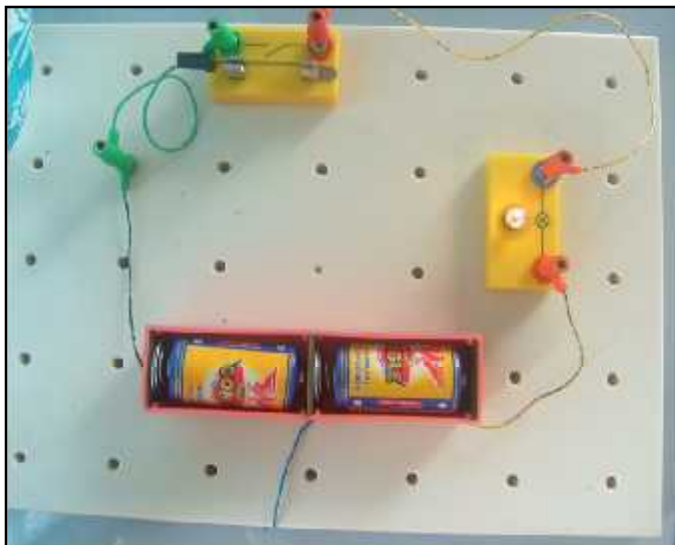
7 PROG/CH +/-/Number buttons

Chọn kênh ở chế độ TV

8

Điều chỉnh âm lượng





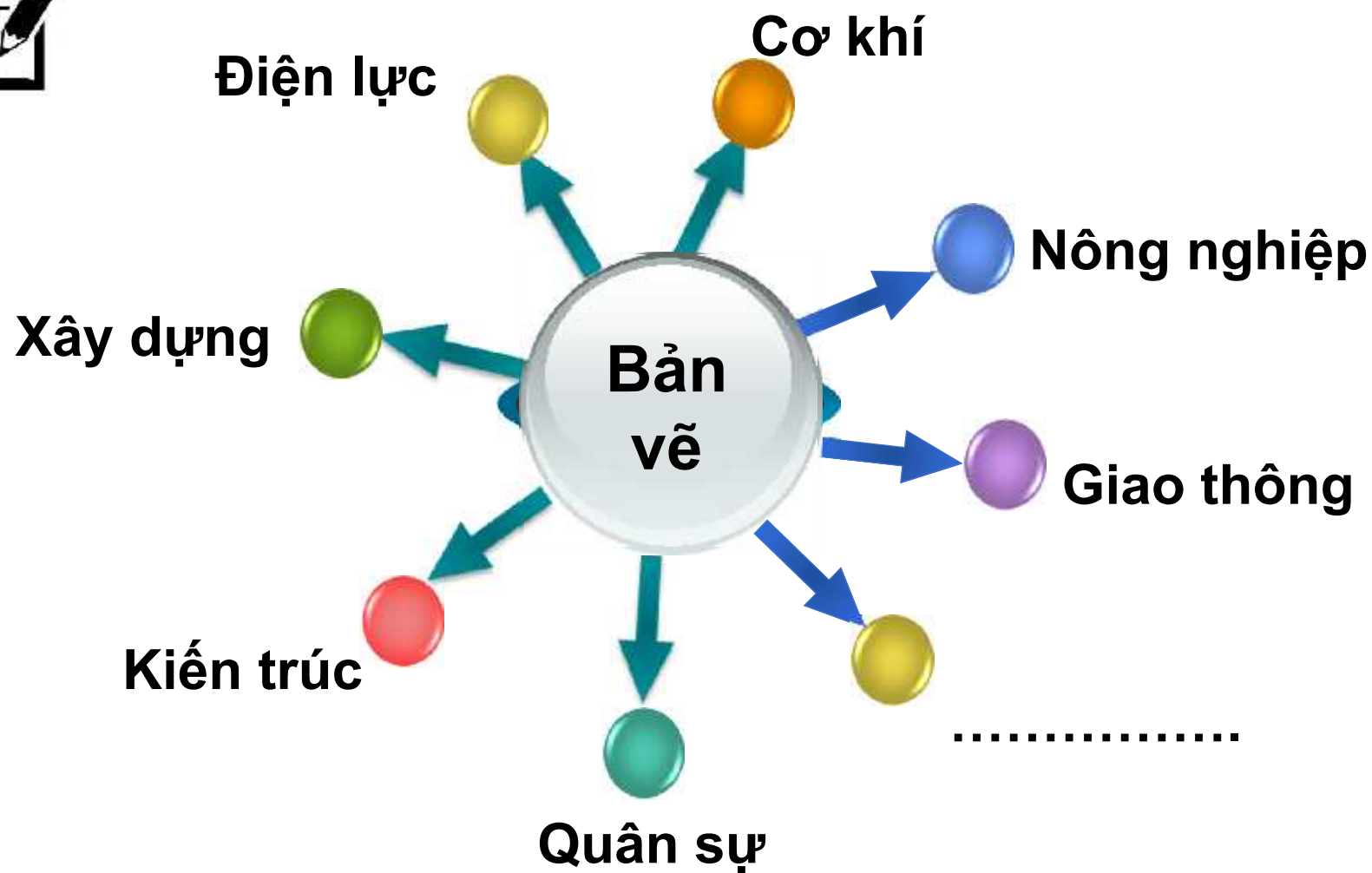
? Em hãy cho biết ý nghĩa của các hình 1.3a và 1.3b

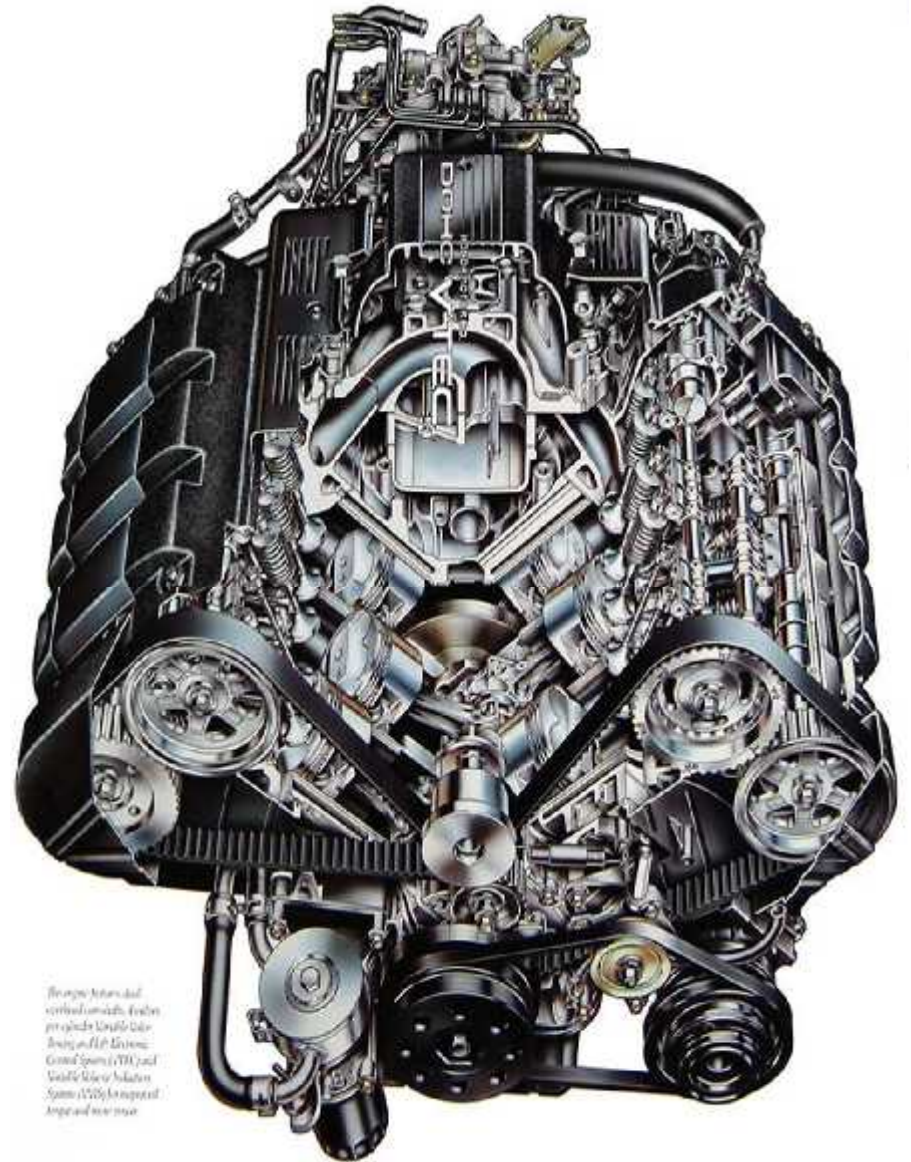
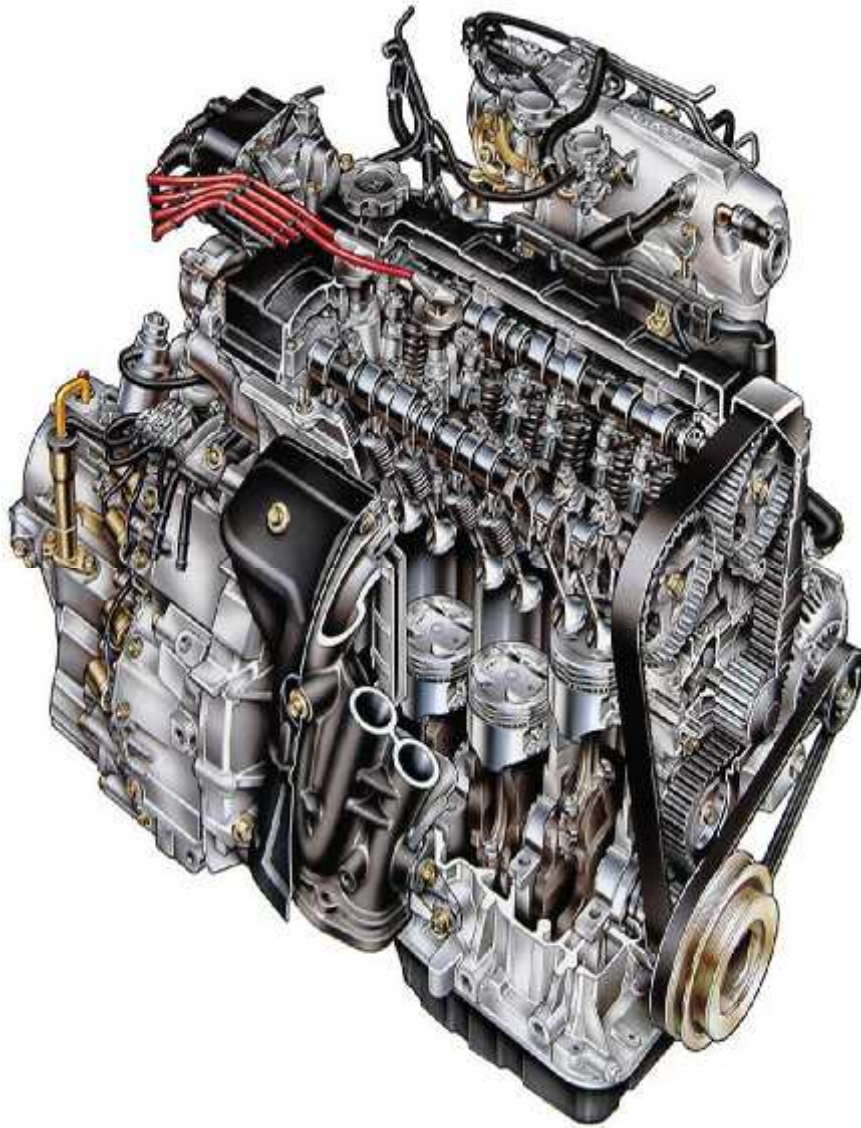
TL: Cho chúng ta một cái nhìn khái quát về sản phẩm, từ bản vẽ đó sẽ giúp cho người làm và người dùng sử dụng một cách có hiệu quả và an toàn..



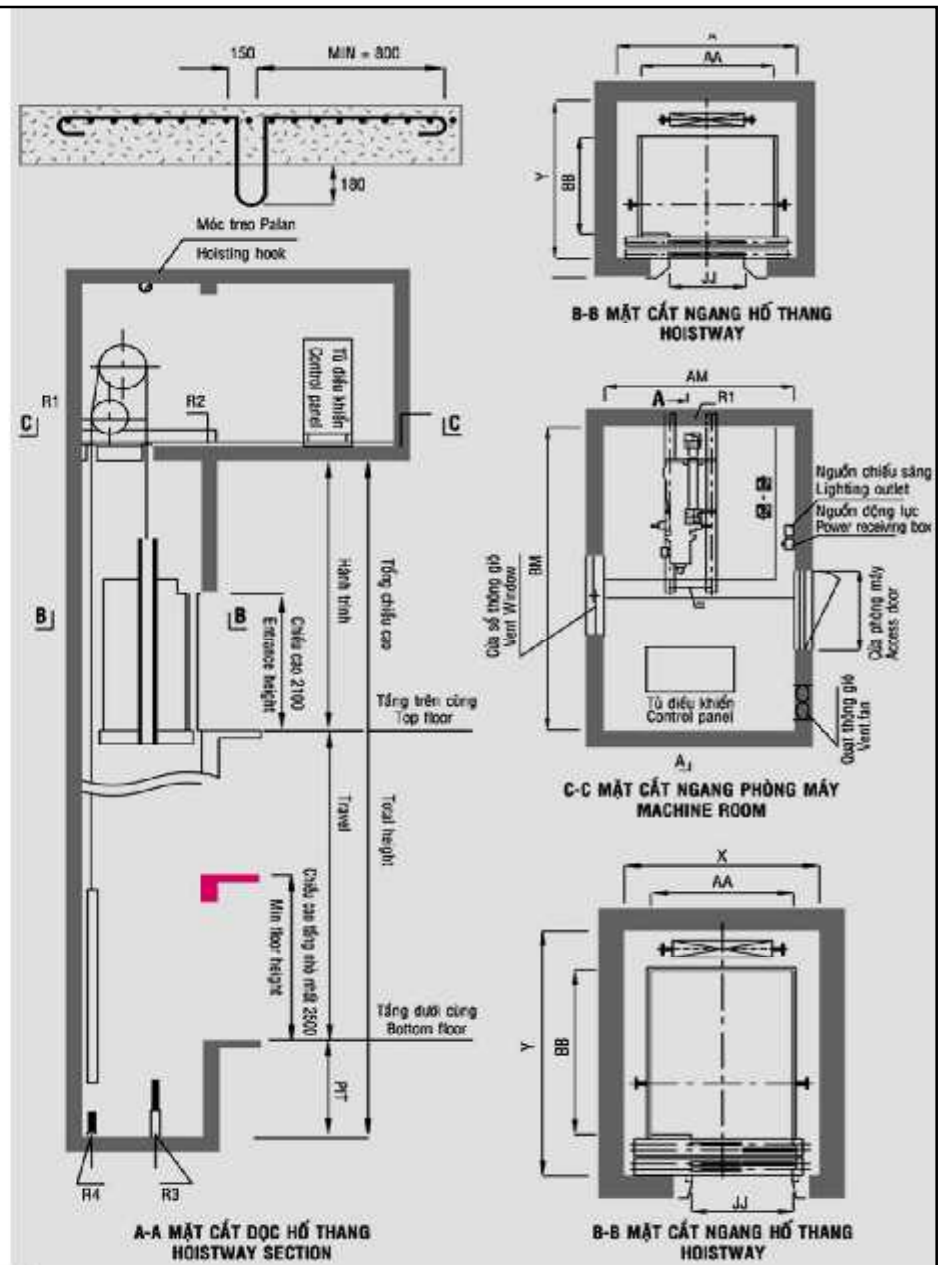
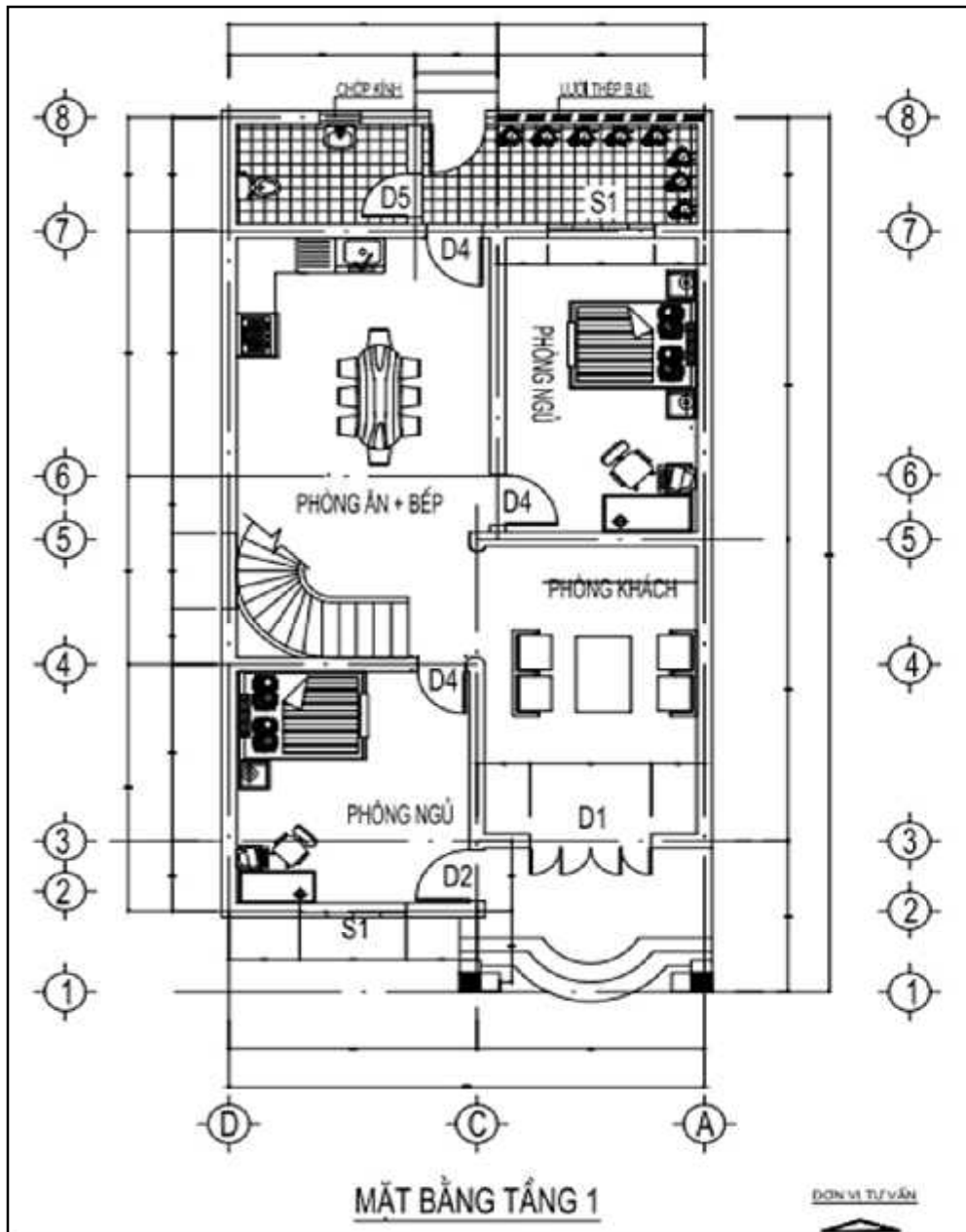
- Bản vẽ kỹ thuật là tài liệu cần thiết kèm theo sản phẩm để người sử dụng có thể khai thác hết tính năng và sử dụng sản phẩm một cách an toàn

IV. Bản vẽ dùng trong các lĩnh vực kĩ thuật





BẢN VẼ KỸ THUẬT DÙNG TRONG LĨNH VỰC CƠ KHÍ



BẢN VẼ KỸ THUẬT DÙNG TRONG XÂY DỰNG

KHU ĐÔ THỊ MỚI NAM PHAN THIẾT

SƠ ĐỒ VỊ TRÍ

- ▶ **Kinh 12:** Hân (tý), huyện Hân Thuận (Hàn), Bình Thuận
 ▶ **Hành:** Chà, lễ tục, trường học, cửa hàng tiếp khách, phòng dạy
 Sân bóng đá mini, cầu, hồ cảnh quan, hồ (cá) còi
 ▶ **Đạm:** 13,5 ha, 993 căn nhà phố 1 trệt 1 lầu, 300 căn hộ chung cư
 Nhà phố thương mại: 77 căn
 Nhà phố và hộ: 876 căn



BẢN VẼ KỸ THUẬT DÙNG TRONG GIAO THÔNG



Các lĩnh vực kỹ thuật đều gắn liền với bản vẽ kỹ thuật và mỗi lĩnh vực đều có loại bản vẽ riêng của ngành mình





BÀI TẬP:

1, Những người làm công tác kỹ thuật(thiết kế, thi công...) trao đổi các ý tưởng kỹ thuật bằng:

a, điện thoại

c, viết thư cho nhau

b, trực tiếp thông qua cử chỉ, lời nói

d, bản vẽ kỹ thuật

2, Chọn câu đúng nhất:

a, muốn sử dụng hiệu quả một đồ dùng điện, điện tử, các loại máy ... phải làm theo chỉ dẫn bằng lời của nhà sản xuất

b, muốn sử dụng an toàn một đồ dùng điện, điện tử, các loại máy ... phải làm theo chỉ dẫn bằng sơ đồ của nhà sản xuất

☒ c, muốn sử dụng hiệu quả, an toàn một đồ dùng điện, điện tử, các loại máy ... phải làm theo chỉ dẫn bằng lời và bằng sơ đồ, hình vẽ của nhà sản xuất

3, Điền từ còn thiếu vào chỗ trống:

Học vẽ kỹ thuật để.....

a, ứng dụng vào cuộc sống và sản xuất

b, cho biết

c, làm nền tảng học tốt những môn học khác thuộc lĩnh vực khoa học- kỹ thuật

 d, câu a và c đều đúng



DẶN DÒ:

- Trả lời câu hỏi trong sách giáo khoa
- Học bài
- Xem trước bài 2: “ Hình Chiếu”





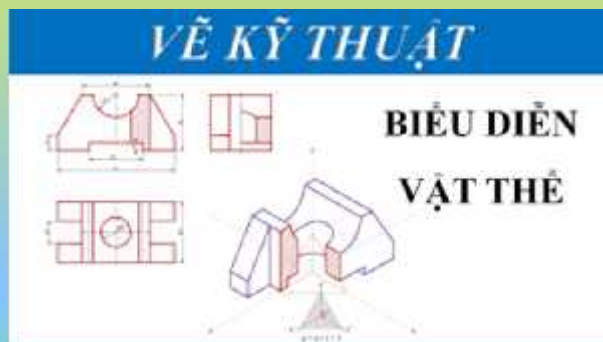
Bài học đã kết thúc



TRƯỜNG THCS LAM SƠN QUẬN 6 TP HCM

CÔNG NGHỆ 8

CÔNG NGHIỆP



10/09/2021

GIÁO VIÊN : ĐẶNG THI LONG

Bài 2 : **HÌNH CHIỀU**

Tiết 2

I – Khái niệm về hình chiếu :

Tia chiếu

Mặt phẳng chiếu

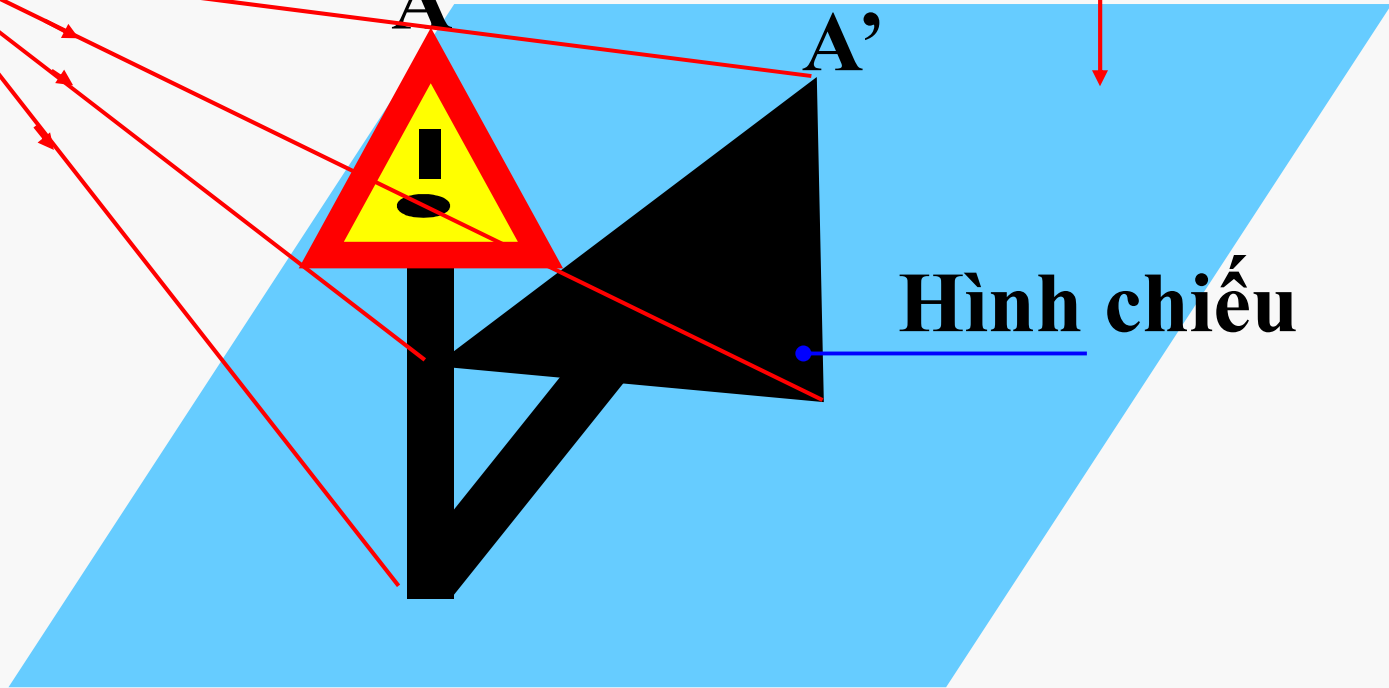


A

A'



Hình chiếu



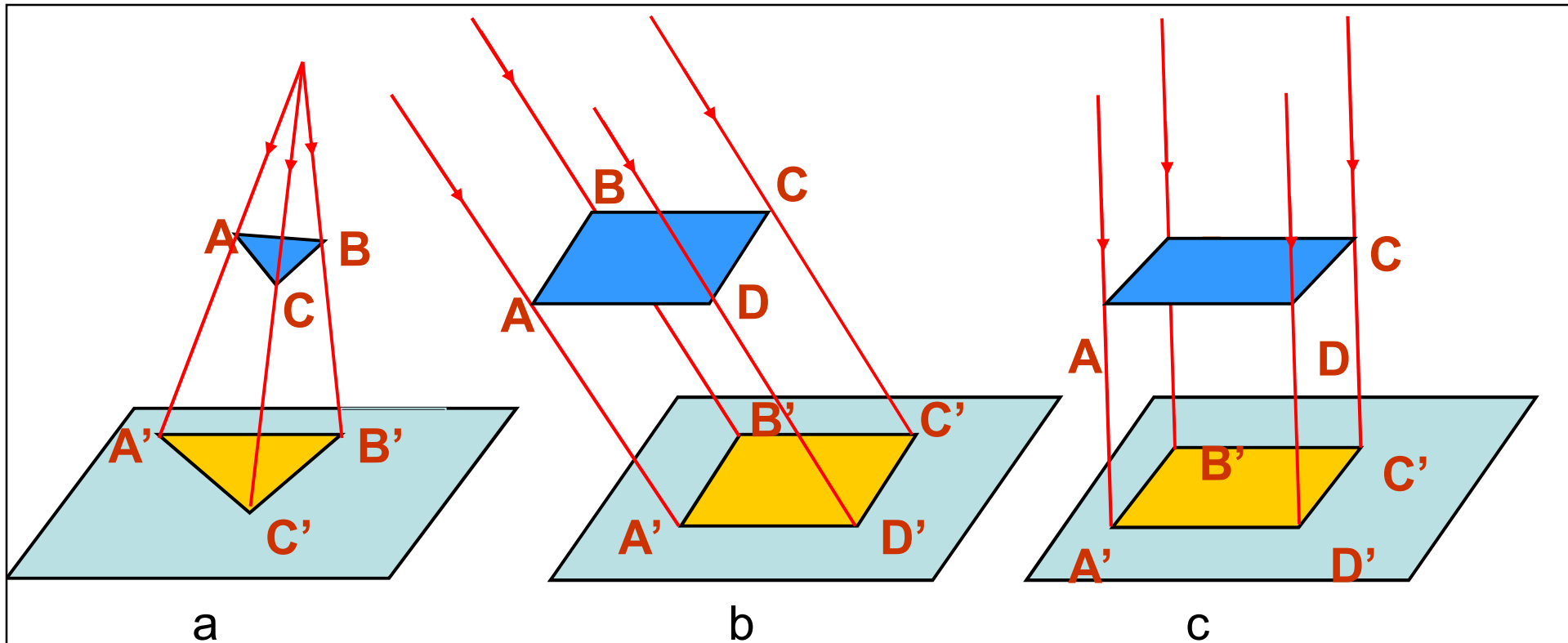
Bài 2 : **HÌNH CHIẾU**

Tiết 2

I – Khái niệm về hình chiếu :

Khi chiếu vật thể lên mặt phẳng chiếu. Hình ảnh nhận được trên mặt phẳng chiếu được gọi là hình chiếu.

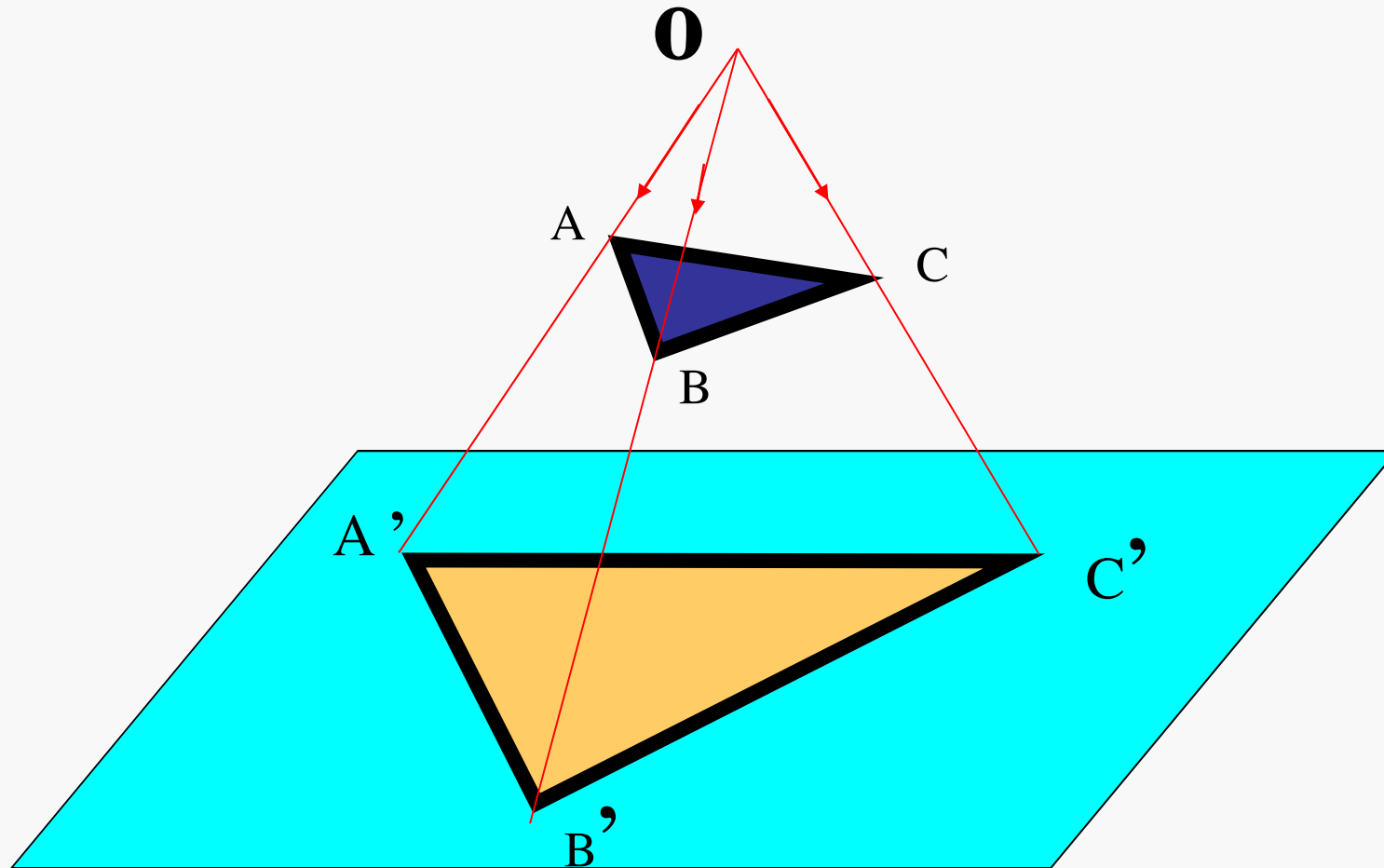
II– Các phép chiếu :



Phép chiếu
xuyên tâm

Phép chiếu song
song

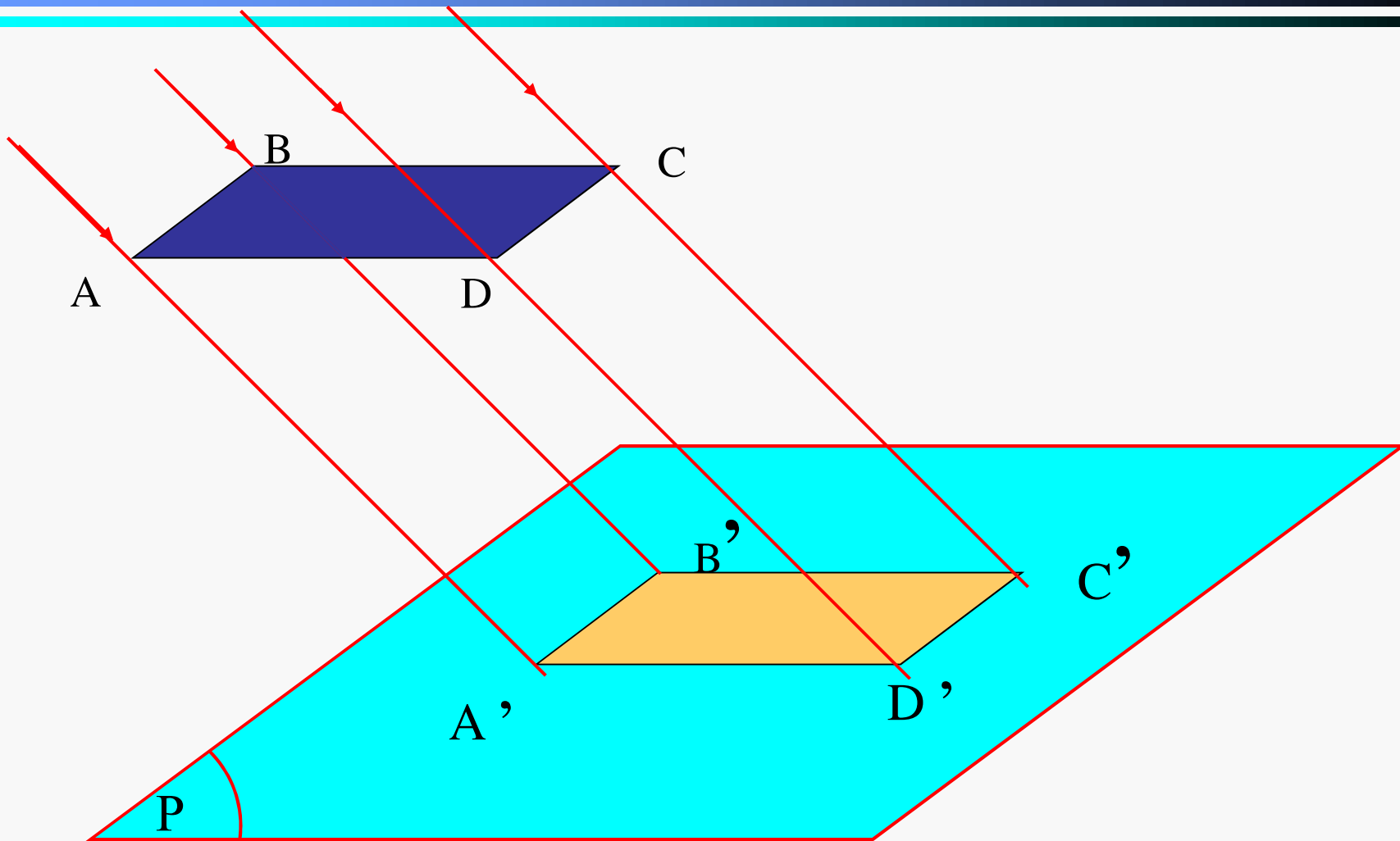
Phép chiếu
vuông góc



- Phép chiếu xuyên tâm: các tia chiếu xuất phát từ một điểm (tâm chiếu).

II– Các phép chiếu :

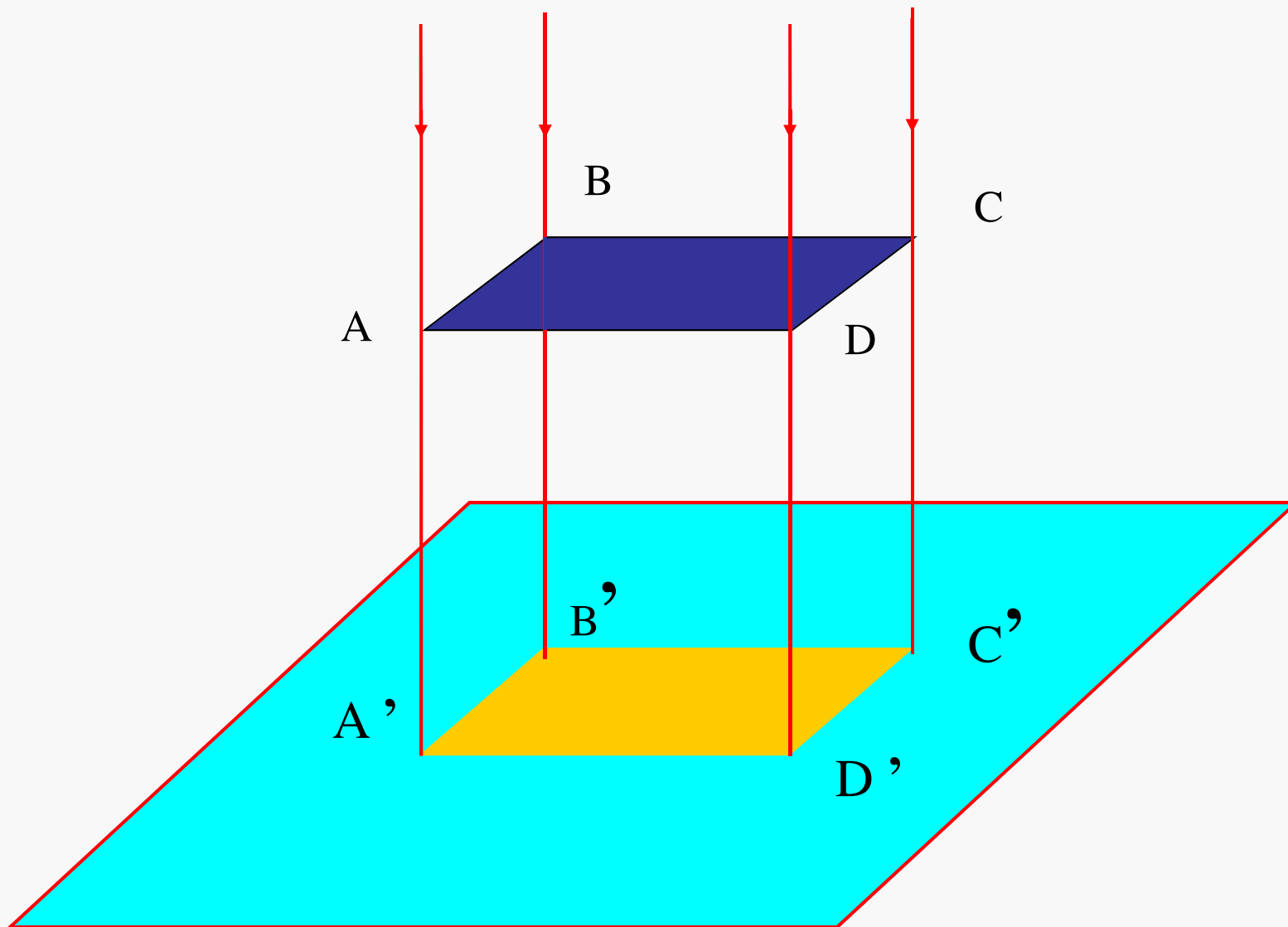
- Phép chiếu xuyên tâm: các tia chiếu xuất phát từ một điểm (tâm chiếu).



**Phép chiếu song song: các tia chiếu
song song với nhau.**

II– Các phép chiếu :

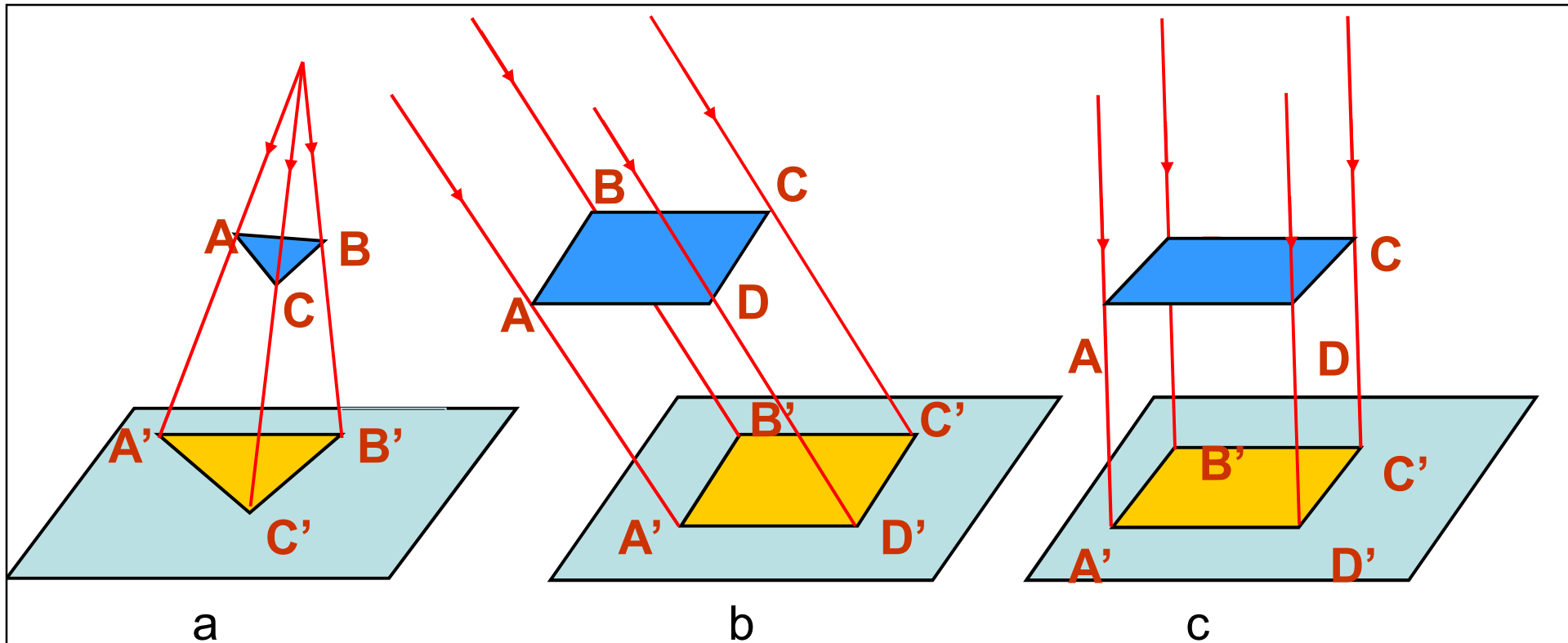
- Phép chiếu xuyên tâm: các tia chiếu xuất phát từ một điểm (tâm chiếu).
- Phép chiếu song song: các tia chiếu song song với nhau.



Phép chiếu vuông góc: các tia chiếu song song với nhau và vuông góc với mặt phẳng chiếu.

II– Các phép chiếu :

- Phép chiếu xuyên tâm: các tia chiếu xuất phát từ một điểm (tâm chiếu).
- Phép chiếu song song: các tia chiếu song song với nhau.
- Phép chiếu vuông góc: các tia chiếu song song với nhau và vuông góc với mặt phẳng chiếu.



Phép chiếu
xuyên tâm

Phép chiếu song
song

Phép chiếu
vuông góc

Bài 2 : **HÌNH CHIẾU**

Tiết 2

I – Khái niệm về hình chiếu :

II– Các phép chiếu :

II– Các hình chiếu vuông góc :

Mặt chính
diện

Mp chiếu đứng

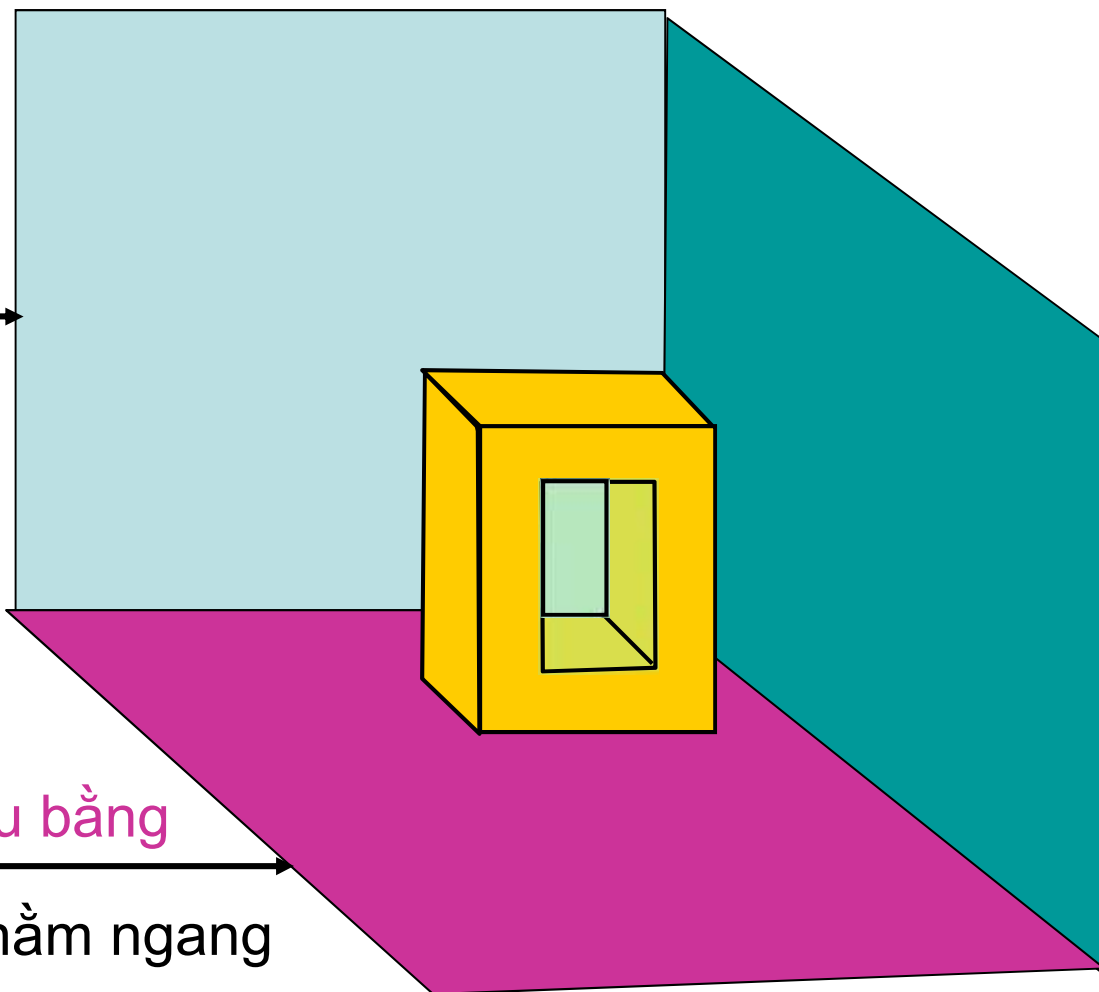
Mặt cạnh
bên phải

Mp chiếu
cạnh

Mp chiếu bằng

Mặt nằm ngang

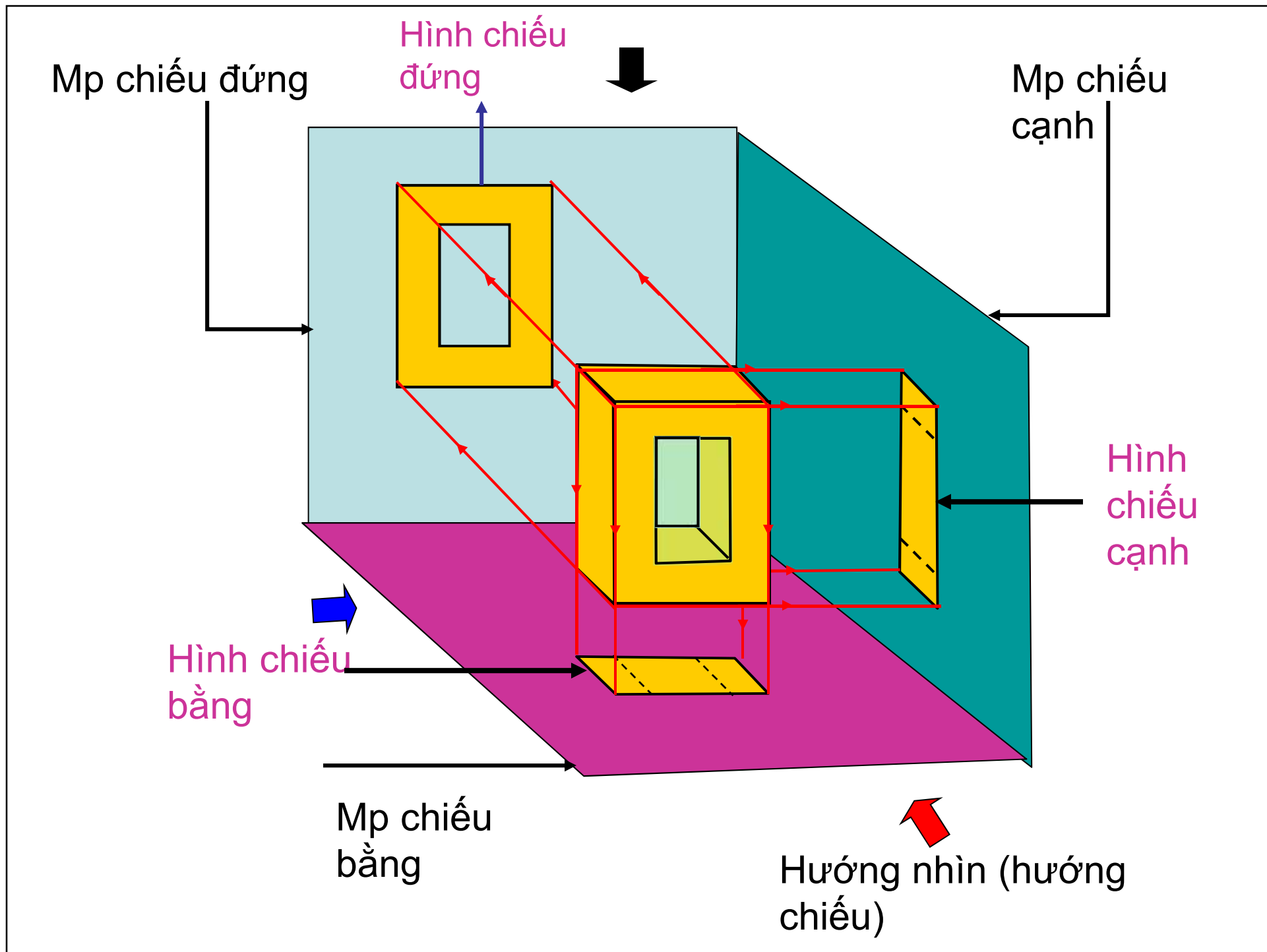
Quan sát hình và cho biết có mấy loại mặt phẳng chiếu?
Gọi tên các mặt phẳng đó.



III – Các hình chiếu vuông góc :

1/ Các mặt phẳng hình chiếu :

- Mặt chính diện gọi là mặt phẳng chiếu đứng.
- Mặt nằm ngang gọi là mặt phẳng chiếu bằng.
- Mặt cạnh bên phải gọi là mặt phẳng chiếu cạnh.



III – Các hình chiếu vuông góc :

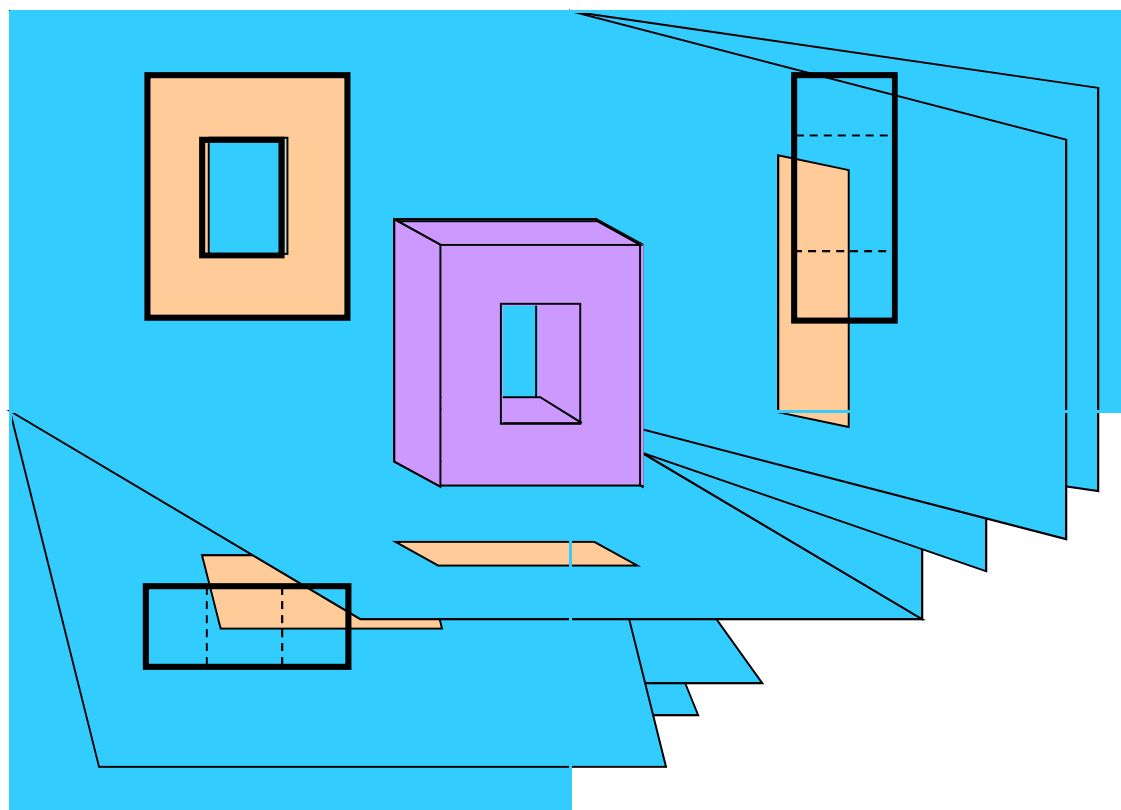
1/ Các mặt phẳng hình chiếu :

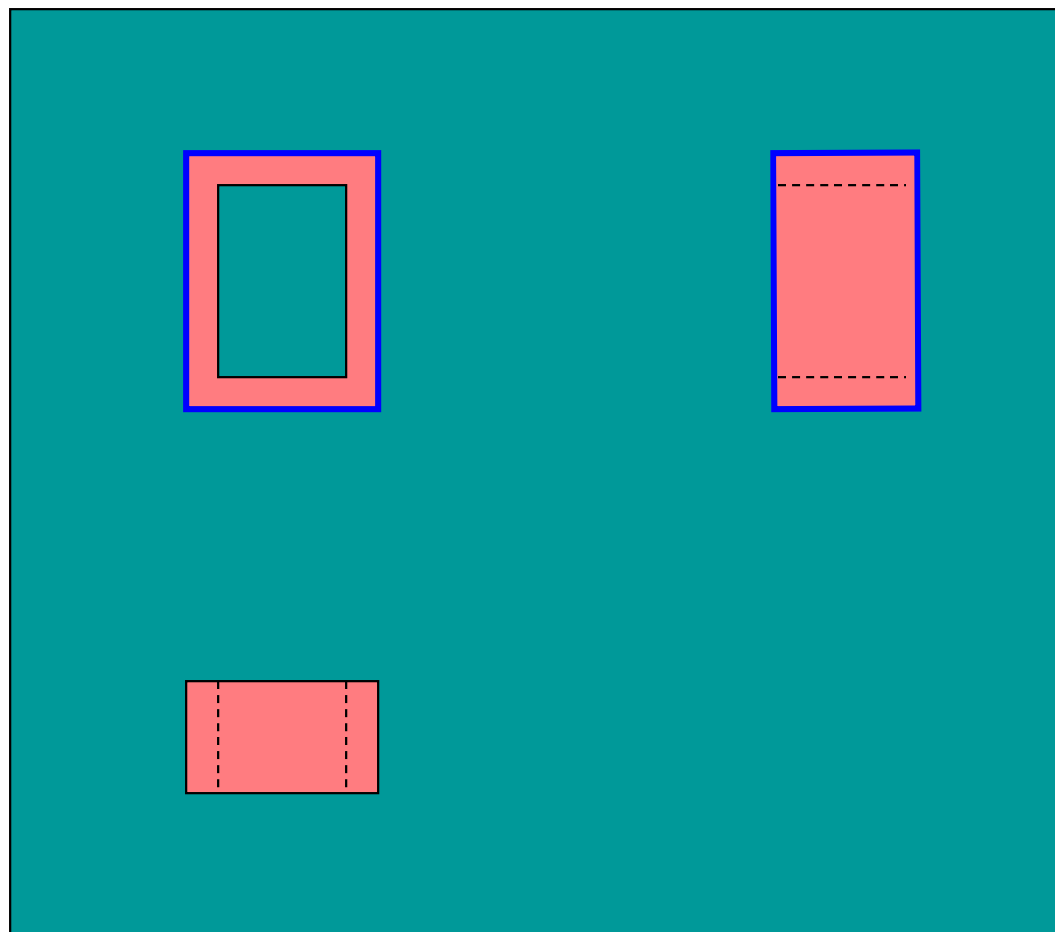
- Mặt chính diện gọi là mặt phẳng chiếu đứng.
- Mặt nằm ngang gọi là mặt phẳng chiếu bằng.
- Mặt cạnh bên phải gọi là mặt phẳng chiếu cạnh.

2/ Các hình chiếu :

- Hình chiếu đứng: có hướng chiếu từ trước tới.
- Hình chiếu bằng : có hướng chiếu từ trên xuống.
- Hình chiếu cạnh : có hướng chiếu từ trái sang.

IV – Vị trí các hình chiếu :





Vị trí các hình chiếu

IV – Vị trí các hình chiếu :

- Hình chiếu đứng ở góc bên trái bản vẽ.
- Hình chiếu bằng ở dưới hình chiếu đứng .
- Hình chiếu cạnh ở bên phải hình chiếu đứng.

Bài 2 : HÌNH CHIẾU

I. Khái niệm về hình chiếu:

Khi chiếu vật thể lên mặt phẳng chiếu. Hình nhận được trên mặt phẳng chiếu được gọi là hình chiếu.

III. Các hình chiếu vuông góc:

1. Các mặt phẳng hình chiếu:

Ba mặt phẳng chiếu vuông góc với nhau.

- + Mặt phẳng chiếu bằng nằm dưới
- + Mặt phẳng chiếu đứng ở sau vật thể.
- + Mặt phẳng chiếu cạnh nằm bên phải vật thể.

2. Các hình chiếu:

- + Hình chiếu đứng có hướng chiếu từ trước tới.
- + Hình chiếu bằng có hướng chiếu từ trên xuống.
- + Hình chiếu cạnh có hướng chiếu từ trái sang .

IV. Vị trí các hình chiếu:

- + Hình chiếu đứng ở góc bên trái
- + Hình chiếu bằng ở dưới HCD
- + Hình chiếu cạnh ở bên phải HCD.

**Mỗi hình chiếu là hình 2 chiều. Vì vậy phải dùng nhiều hình chiếu để diễn tả hình dạng của vật thể.*

DẶN DÒ:



- Trả lời câu hỏi trong sách giáo khoa
- Học bài , làm bài tập SGK trang 10,11
- Xem trước bài 3: “ Hình chiếu của vật thể ”





Bài học đã kết thúc



NỘI DUNG NGHIÊN CỨU BÀI HỌC

MÔN : ĐỊA LÍ 8

TUẦN 1-2

LƯU Ý:

1. Phần KẾT LUẬN ở cuối các mục là nội dung chính của bài học.
2. Học sinh đọc kỹ câu hỏi, phần gợi ý, hướng dẫn của giáo viên và kết hợp đọc thông tin SGK để trả lời.

CHÚC CÁC EM HOÀN THÀNH TỐT BÀI HỌC VÀ GIỮ GÌN SỨC KHOẺ.



PHẦN MỘT: THIÊN NHIÊN, CON NGƯỜI Ở CÁC CHÂU LỤC (tt)

CHƯƠNG XI: CHÂU Á

CHUYÊN ĐỀ 1: TỰ NHIÊN CHÂU Á

Bài 1: VỊ TRÍ ĐỊA LÍ, ĐỊA HÌNH VÀ KHOÁNG SẢN.

Châu Á là châu lục rộng lớn nhất, có điều kiện tự nhiên phức tạp và đa dạng. Tính phức tạp và đa dạng đó được thể hiện trước hết qua cấu tạo địa hình và sự phân bố khoáng sản.

I. VỊ TRÍ ĐỊA LÍ VÀ KÍCH THƯỚC CỦA CHÂU LỤC:

Dựa vào hình 1.1, em hãy cho biết:

HƯỚNG DẪN: HS đọc câu hỏi, xác định yêu cầu câu hỏi → xem phần **CHÚ THÍCH** tìm kí hiệu của đối tượng câu hỏi yêu cầu → tìm đối tượng trên lược đồ, bản đồ

- Tọa độ địa lí của các điểm cực trên phần đất liền của châu Á. (Gợi ý: điểm cực là vị trí có tọa độ xa nhất của lãnh thổ về 1 phía; có 4 điểm cực: điểm cực Bắc, Nam, Tây, Đông)

- Châu Á tiếp giáp với các đại dương và châu lục nào?
- Chiều dài từ điểm cực Bắc đến điểm cực Nam?
- Chiều rộng từ bờ Tây sang bờ Đông nơi lãnh thổ mở rộng nhất?

KẾT LUẬN:

Châu Á nằm kéo dài từ vùng cực Bắc đến vùng Xích đạo. Tiếp giáp với 2 châu lục và 3 đại dương, là châu lục rộng lớn nhất thế giới.

II. ĐẶC ĐIỂM ĐỊA HÌNH VÀ KHOÁNG SẢN:

a. Đặc điểm địa hình:

Dựa vào hình 1.2, em hãy:

HƯỚNG DẪN: HS đọc câu hỏi, xác định yêu cầu câu hỏi → xem phần **CHÚ THÍCH** tìm **kí hiệu** của **đối tượng** câu hỏi yêu cầu → tìm đối tượng trên lược đồ, bản đồ.

- Tìm và đọc tên (dùng bút chì khoanh tròn vào tên dãy núi trên lược đồ) các dãy núi chính: Hi-ma-lay-a, Côn Luân, Thiên Sơn, An-tai ... ; Các sơn nguyên chính: Trung Xi-bia, Tây Tạng, A-ráp, I-ran, Đê-can ...

- Tìm và đọc tên (dùng bút chì khoanh tròn vào tên đồng bằng, con sông trên lược đồ) các đồng bằng rộng bậc nhất: Tu-ran, Lưỡng Hà, Ấn – Hằng, Tây Xi-bia, Hoa Bắc, Hoa Trung ...; Các con sông lớn

=> Các hướng núi chính

KẾT LUẬN:

- Có nhiều hệ thống núi, sơn nguyên cao, đồ sộ chạy theo 2 hướng chính (**Đông – Tây và Bắc – Nam**)

- Nhiều đồng bằng rộng nằm xen kẽ với nhau làm cho địa hình **bị chia cắt phức tạp**.

- Các núi và sơn nguyên cao tập trung chủ yếu ở vùng **trung tâm**. Trên các núi cao có **băng hà bao phủ quanh năm**.

b. Khoáng sản:

HƯỚNG DẪN: HS đọc câu hỏi, xác định yêu cầu câu hỏi → xem phần **CHÚ THÍCH** tìm **kí hiệu** của **đối tượng** câu hỏi yêu cầu → tìm đối tượng trên lược đồ, bản đồ.

Dựa vào hình 1.2, em hãy cho biết:

- Ở châu Á có những khoáng sản chủ yếu nào?

- Dầu mỏ và khí đốt chủ yếu tập trung ở những khu vực nào?

KẾT LUẬN:

Châu Á có nguồn khoáng sản phong phú, quan trọng nhất là: dầu mỏ, khí đốt, than, sắt, crôm và nhiều kim loại màu ...

BÀI TẬP:

1. Hãy cho biết ý nghĩa của vị trí địa lí, kích thước của lãnh thổ châu Á đối với khí hậu? (*GỢI Ý: HS nêu ra vị trí châu Á có ảnh hưởng gì đến nhiệt độ, lượng mưa...; lãnh thổ châu Á có ý nghĩa gì trong việc hình thành các đới, kiểu khí hậu*)
2. Hãy nêu các đặc điểm của địa hình châu Á.
3. Dựa vào hình 1.2, cho biết tên các đồng bằng lớn và các sông chính chảy trên từng đồng bằng đó. **GỢI Ý:** đồng bằng Ấn Hằng có sông Hằng chảy qua. HS tìm thêm các đồng bằng lớn khác có con sông chính nào chảy trên ĐB đó.

Bài 2: KHÍ HẬU CHÂU Á

I. KHÍ HẬU CHÂU Á PHÂN HÓA RẤT ĐA DẠNG:

Quan sát hình 2.1, em hãy :

HƯỚNG DẪN: HS đọc câu hỏi, xác định yêu cầu câu hỏi → xem phần **CHÚ**

THÍCH tìm kí hiệu của **đới tượng** câu hỏi yêu cầu → tìm đới tượng trên lược đồ, bản đồ

- Đọc tên các đới khí hậu từ vùng cực Bắc đến vùng xích đạo dọc theo kinh tuyến 80° Đ.

- Giải thích tại sao khí hậu châu Á lại chia thành nhiều đới như vậy? (*dựa vào kiến thức bài 1, kích thước và hình dạng lãnh thổ để giải thích*)

- Đới khí hậu nào có nhiều kiểu khí hậu? Đọc tên các kiểu khí hậu ở đới đó.

KẾT LUẬN:

Khí hậu châu Á phân hóa rất đa dạng, phân hóa thành nhiều đới và nhiều kiểu khác nhau.

- Theo các đới từ Bắc xuống Nam.
- Theo các kiểu từ duyên hải vào nội địa.

II. KHÍ HẬU CHÂU Á PHỔ BIẾN LÀ CÁC KIỂU KHÍ HẬU GIÓ MÙA VÀ CÁC KIỂU KHÍ HẬU LỤC ĐỊA:

KẾT LUẬN

Kiểu K H	Vị trí	Đặc điểm chung
Khí hậu gió mùa	- Khí hậu gió mùa nhiệt đới ở Nam Á, Đông Nam Á. - Khí hậu gió mùa cận nhiệt và ôn đới phân bố ở Đông Á	Có 2 mùa rõ rệt: - Mùa đông không khí thổi từ nội địa ra, không khí khô và lạnh, mưa ít. - Mùa hạ: có gió từ đại dương thổi vào lục địa, thời tiết nóng ẩm, mưa nhiều. (Nam Á và Đông Nam Á có mưa nhiều nhất thế giới)
Khí hậu lục địa	Ở vùng nội địa và Tây Nam Á	- Mùa đông khô và lạnh, mùa hè khô và nóng. - Lượng mưa ít (200 – 500mm/năm), độ ẩm không khí luôn luôn thấp.

BÀI TẬP:

- Dựa vào các biểu đồ nhiệt độ và lượng mưa của 3 địa điểm (Y – an – gun, E-Ri-át, U-lan-Ba-to), em hãy cho biết:
 - Đặc điểm về nhiệt độ và lượng mưa của mỗi địa điểm đó. (Xem lại kiến thức **lớp 7 nhận xét về nhiệt độ lượng mưa**)
 - Mỗi địa điểm nằm trong kiểu khí hậu nào? (Học sinh dựa vào đặc điểm **nhiệt độ, lượng mưa** đã xác định ở **câu a** và nội dung bảng thông tin ở **phần II** để trả lời)

Tiết 1 : Bài 1: TÔN TRỌNG LỄ PHẢI

I/ Đặt vấn đề

II. Nội dung bài học.

1. Lễ phải, tôn trọng lễ phải

Lễ phải: là những điều đúng đắn phù hợp với đạo lý và lợi ích của xã hội.

Tôn trọng lễ phải:

- + Bảo vệ, công nhận, tuân theo và ủng hộ những điều đúng đắn,
- + Biết điều chỉnh hành vi của mình theo hướng tích cực,
- + Không chấp nhận và không làm những điều sai trái ...

2. Biểu hiện

- Chấp hành tốt nội quy nơi sống làm việc và học tập

3. Ý nghĩa.

- Tôn trọng lễ phải giúp con người có cách cư xử phù hợp.
- Lam lành mạnh mối quan hệ xã hội, thúc đẩy xã hội phát triển

III/ Bài tập

- 3(5-sgk)
- **Trả lời**
- Theo em, hành vi (a), (c), (e) biểu hiện sự tôn trọng lễ phải.

TIẾT 2 – BÀI 3: TÔN TRỌNG NGƯỜI KHÁC

I. Đặt vấn đề

II. Nội dung bài học

1- Tôn trọng người khác

- Đánh giá đúng mức coi trọng danh dự phẩm giá và lợi ích của người khác

-Thể hiện lối sống có văn hóa của mỗi người

2. Biểu hiện

-Biết lắng nghe, cư xử lễ phép, biết thừa nhận và học hỏi những điểm mạnh của người khác, không xâm phạm tài sản, thư từ, nhật kí, sự riêng tư của người khác,tôn trọng sở thích thói quen, điểm riêng của người khác

3 Ý nghĩa.

- Tôn trọng người khác thì mới nhận được sự tôn trọng của người khác với mình

- Mọi người tôn trọng nhau thì xã hội trở nên lành mạnh và trong sáng.

4 Cách rèn luyện.

- Tôn trọng người khác mọi lúc, mọi nơi cả trong cử chỉ, hành động và lời nói.

III. Bài tập.

Bài tập 1.

Trả lời

- Các hành vi: (a), (i) là thể hiện sự tôn trọng người khác vì những hành vi đó thể hiện sự đánh giá đúng mức, coi trọng danh dự phẩm giá và lợi ích của người khác, thể hiện lối sống có văn hóa.

- Các hành vi: (b), (c), (d), (đ), (e), (g), (h), (k), (l), (m), (n), (o) đều thể hiện sự thiếu tôn trọng người khác.

BÀI 2: CHẤT.

I. Chất có ở đâu?

Chất có ở khắp nơi, đâu có vật thể là có chất.

II. Tính chất của chất:

1. Mỗi chất có những tính chất nhất định bao gồm: tính chất vật lí và tính chất hóa học.

* Để biết tính chất các chất thực hiện các phương pháp: Quan sát, dùng dụng cụ đo, làm thí nghiệm.

2. Việc hiểu biết tính chất của chất có lợi gì?

- a/ Giúp nhận biết chất này với chất khác.
- b/ Biết cách sử dụng chất.
- c/ Biết ứng dụng chất thích hợp trong đời sống và sản xuất.

III. Chất tinh khiết:

1/ *Chất tinh khiết*: không có lẫn chất khác.

* Khi nhiều chất trộn lẫn gọi là hỗn hợp.

Vd:

+ Nước cất là chất tinh khiết.

+ Nước khoáng, nước tự nhiên là hỗn hợp.

2. *Chất tinh khiết có tính chất nhất định còn hỗn hợp có tính chất thay đổi.*

3. *Tách chất ra khỏi hỗn hợp.*

Dựa vào sự khác nhau về tính chất vật lí có thể tách 1 chất ra khỏi hỗn hợp.

DẶN DÒ:

HỌC BÀI 2

LÀM BT 3,6,7 SGK TRANG 11

MỞ ĐẦU MÔN HÓA HỌC.

I. Hóa học là gì?

Hóa học là khoa học nghiên cứu các chất, sự biến đổi và ứng dụng của chúng.

II. Hóa học có vai trò như thế nào trong cuộc sống của chúng ta?

Hóa học có vai trò rất quan trọng trong cuộc sống chúng ta.

III. Các em phải làm gì để có thể học tốt môn hóa học?

- Tự thu thập tìm kiếm kiến thức, xử lý thông tin, vận dụng và ghi nhớ.
- Nắm vững và có khả năng vận dụng kiến thức đã học.

DẶN DÒ : XEM TRƯỚC BÀI 2

Mr Thuật

8

Tuần 1:6/9/2021



Bài 1:

TRANG TRÍ QUẠT GIẤY



I. QUAN SÁT NHẬN XÉT:





? Em hãy quan sát hình và cho biết quạt giấy chia làm mấy phần chính?

=> Quạt giấy gồm 2 phần chính là nan tre và giấy bồi





Chất liệu làm quạt



Tre



Gỗ



Đồng





Chất liệu làm quạt



Lụa



Giấy





Các hình dáng quạt





Các hình dáng quạt



Bốn nguyệt.



Tự do.



12/04/2014



Các hình dáng quạt

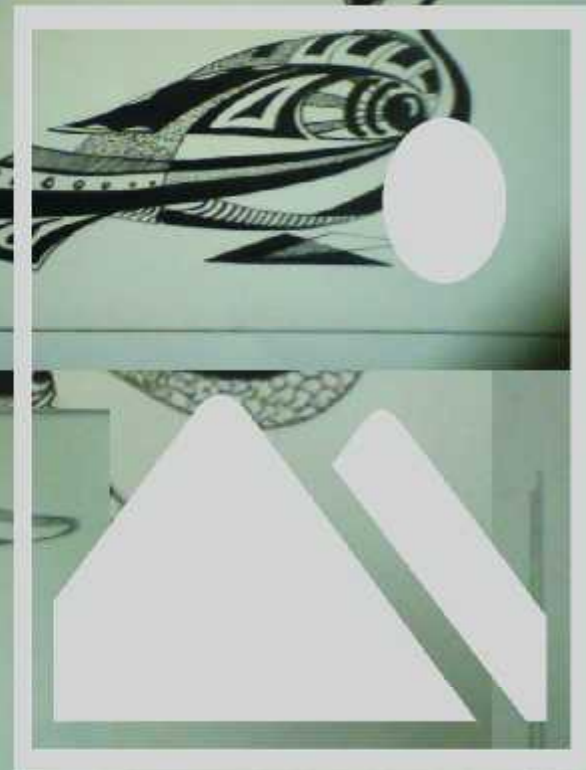




HOẠ TIẾT TRANG TRÍ.



HOẠ TIẾT TRANG TRÍ.





Nhắc lại



Xen kẻ



Đối xứng



Mảng hõnh khụng
đều



Quạt dùng để làm gì?

⇒ Quạt dùng để quạt mát hay nói chung là phục vụ đời sống





? Hình ảnh trên quạt dùng để làm gì?

⇒ dùng để trang trí





? Hình ảnh trên quạt dùng để làm gì?

=> Quạt dùng để quạt biểu diễn nghệ thuật





I. QUAN SÁT ,NHẬN XÉT:

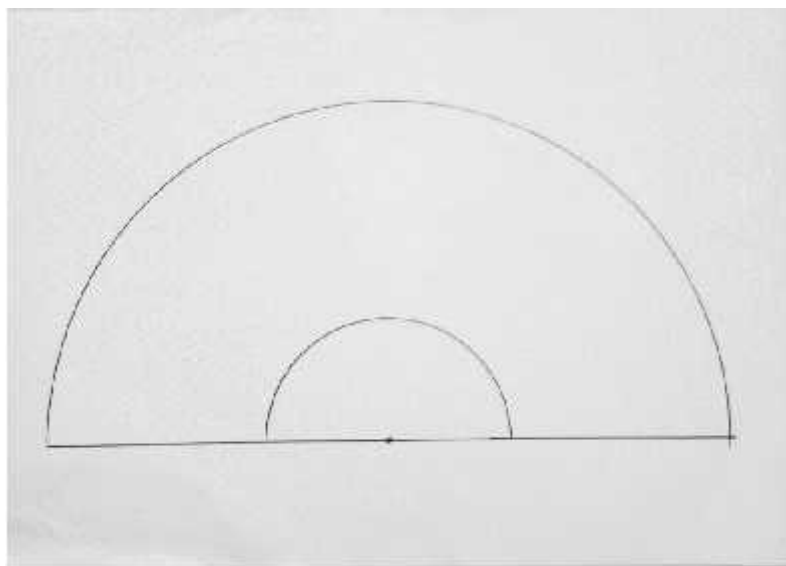
- Hình dáng.
- Bố cục .
- Hoạ tiết.
- Màu sắc.



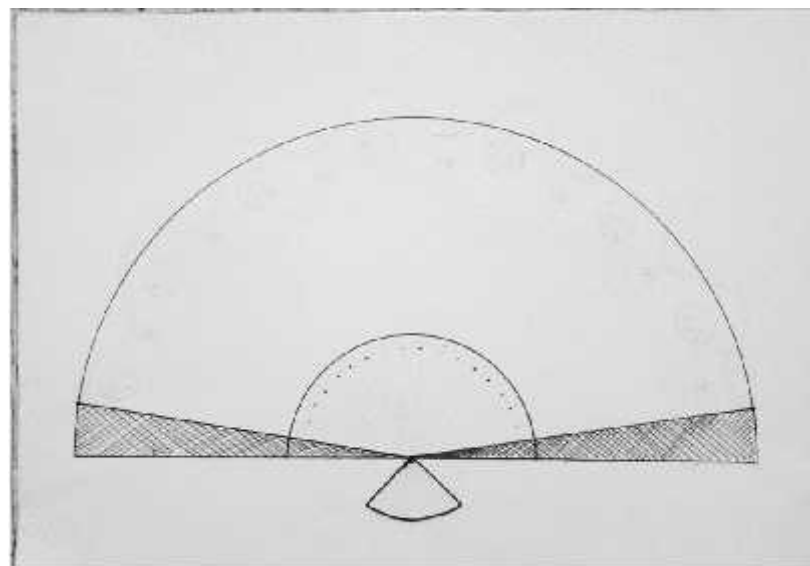


II. TẠO DÁNG ,TRANG TRÍ QUẠT

1. Cách tạo dáng:



Kẻ 2 nửa đường tròn đồng tâm

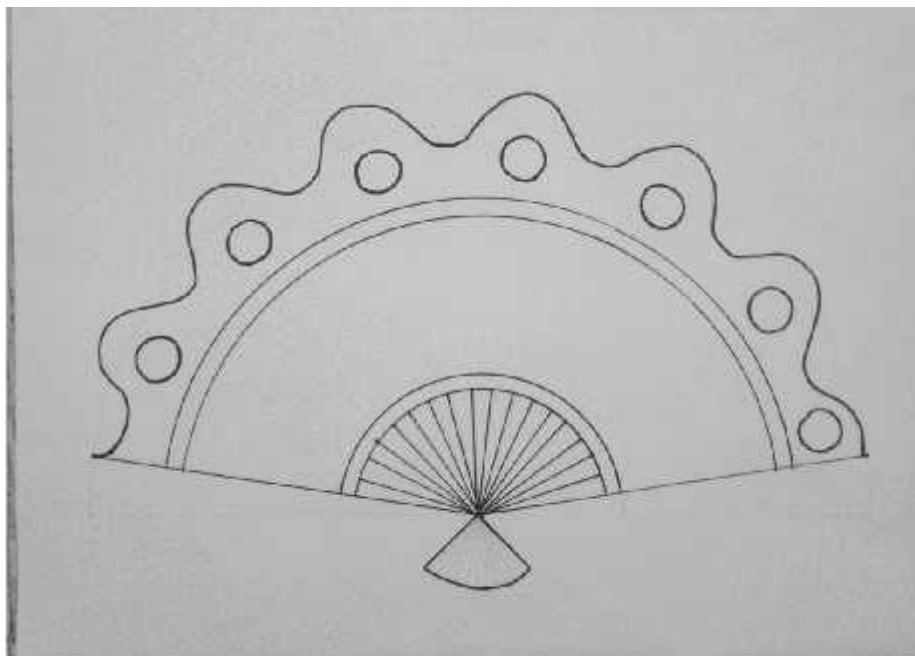


Từ đường ngang đo lên 2cm ở 2 đầu quạt, kẻ xiên đến tâm, xóa bỏ phần thừa, ta được dáng quạt cơ bản



II. TẠO DÁNG TRANG TRÍ QUẠT.

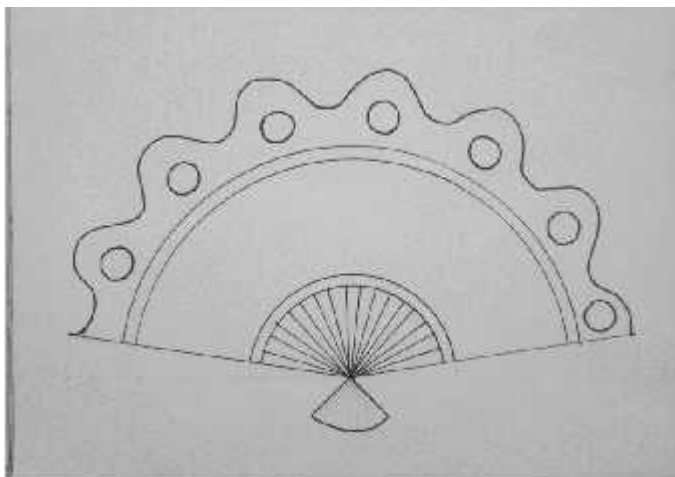
1. Cách tạo dáng:



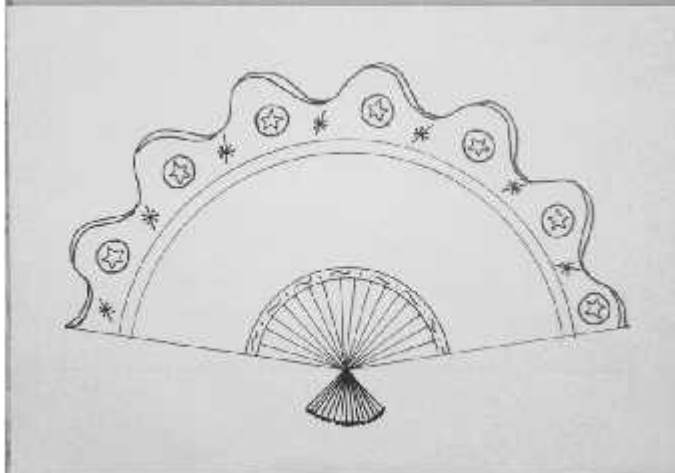
Từ dáng cơ bản trên, ta có thể thêm hay bớt một số đường nét sẽ tạo ra vô số dáng quạt khác nhau



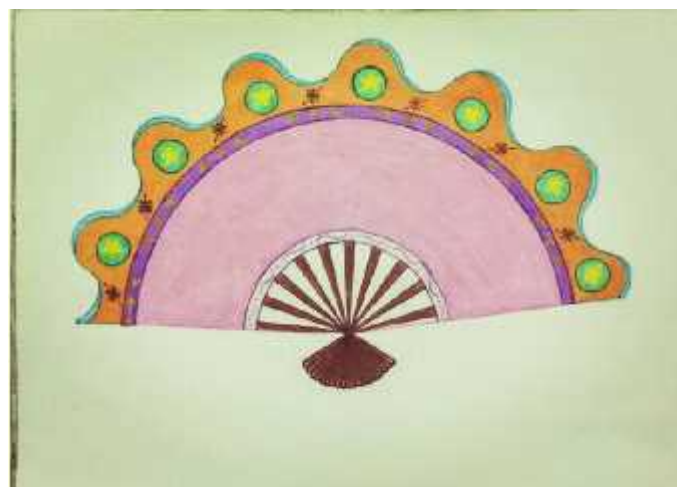
2.Cách trang trí:



Phân
các
mảng
hình



Vẽ
họa
tiết
vào
các
mảng



Vẽ màu





II. TẠO DÁNG TRANG TRÍ QUẠT

1. Cách tạo dáng:kẻ 2 đường tròn nhỏ và to đồng tâm,từ trục ngang đo lên 3 cm nối về tâm ta được dáng quạt cơ bản.

2. Cách trang trí:

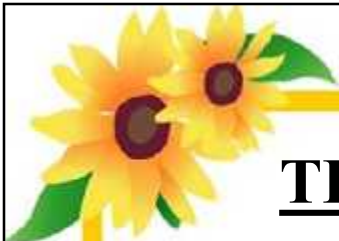
-Phân mảng chính phụ.

-vẽ hoạ tiết.

-Vẽ màu.

- *Lưu ý: Từ dáng quạt cơ bản trên, các em có thể vận dụng tư duy sáng tạo để tạo ra nhiều loại dáng quạt và trang trí khác nhau*





THAM KHẢO MỘT SỐ BÀI VẼ CỦA HỌC SINH



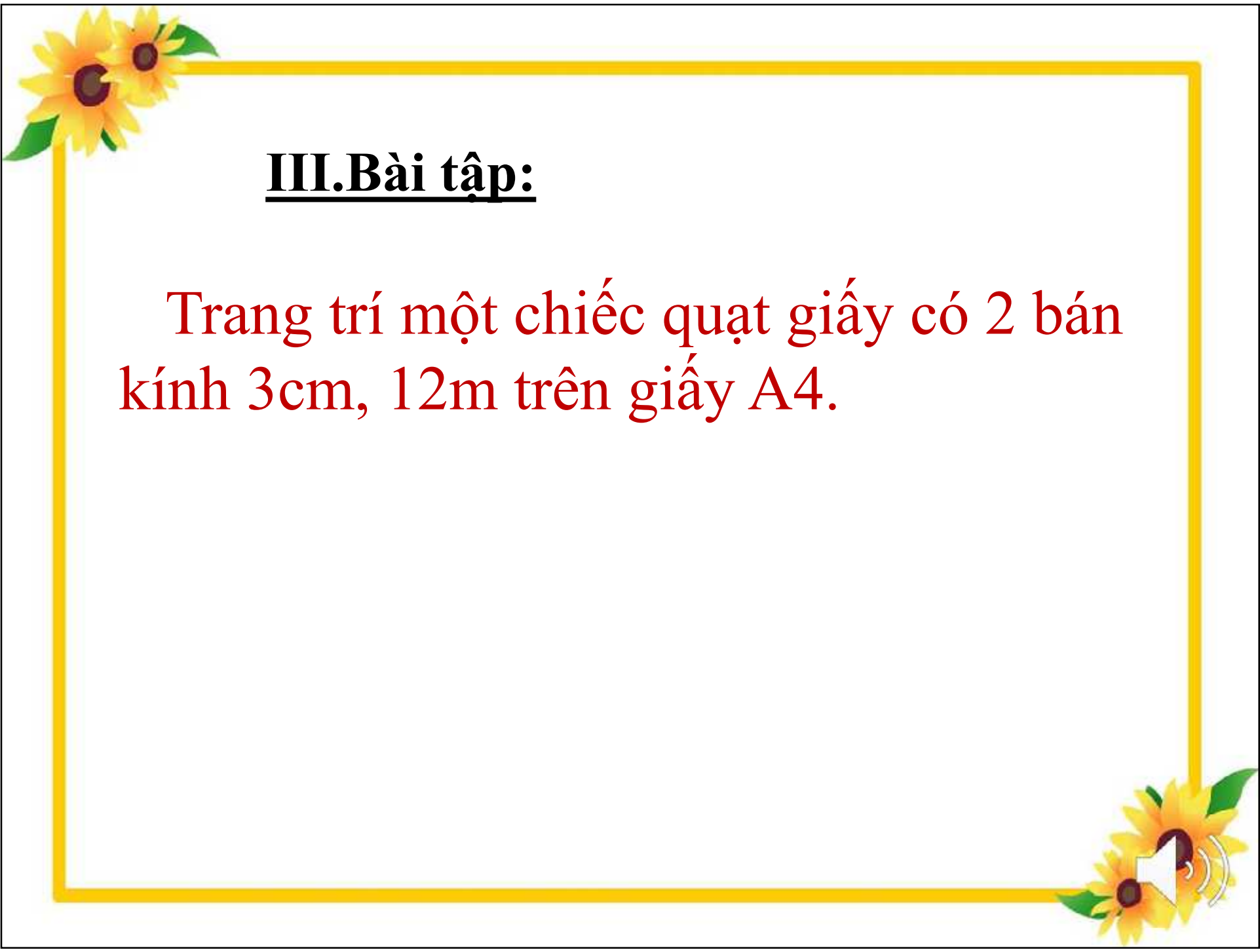






NGHỀ LÀM QUẠT.





III. Bài tập:

Trang trí một chiếc quạt giấy có 2 bán kính 3cm, 12m trên giấy A4.



DẶN DÒ:

- Hoàn thành bài.**
- Xem bài 2:Tạo dáng trang trí chậu cảnh.**



THÂN ÁI CHÀO CÁC EM
,CHÚC CÁC EM NHIỀU SỨC
KHOẺ ,HỌC TẬP TỐT!



TUẦN 1

CHỦ ĐỀ 1: KHÁI QUÁT VỀ CƠ THỂ NGƯỜI

Bài 1: BÀI MỞ ĐẦU

I. Vị trí của con người trong tự nhiên

- Loài người thuộc lớp Thú.
- Con người có tiếng nói chữ viết, tư duy trừu tượng hoạt động có mục đích → làm chủ thiên nhiên.

II. Nhiệm vụ của môn cơ thể người và vệ sinh

- Cung cấp những kiến thức về cấu tạo và chức năng sinh lý của các cơ quan trong cơ thể.
- Môi quan hệ giữa cơ thể với môi trường để đề ra biện pháp bảo vệ cơ thể.
- Môi liên quan giữa môn học với các môn khoa học khác như y học, TDTT, hội họa,...

III. Phương pháp học tập môn cơ thể người và vệ sinh

- Kết hợp quan sát, thí nghiệm, và vận dụng kiến thức, kĩ năng vào thực tế cuộc sống.

Bài 2 : CẤU TẠO CƠ THỂ NGƯỜI

1. Các phần cơ thể:

- Cơ thể người gồm: đầu, thân và tay chân.
- Cơ hoành ngăn khoang ngực và khoang bụng.

2. Các hệ cơ quan: Hệ cơ quan gồm các cơ quan cùng phối hợp thực hiện 1 chức năng nhất định của cơ thể.

Thành phần, chức năng của các hệ cơ quan

<i>Hệ cơ quan</i>	<i>Các cơ quan trong từng hệ cơ quan</i>	<i>Chức năng của hệ cơ quan</i>
Hệ vận động	– Cơ và xương	– Nâng đỡ, vận động.
Hệ tiêu hoá	– Miệng, ống tiêu hoá và các tuyến tiêu hoá.	– Biến đổi thức ăn thành chất dinh dưỡng cung cấp cho cơ thể.
Hệ tuần hoàn	– Tim và hệ mạch.	– Vận chuyển máu.
Hệ hô hấp	– Mũi, thanh quản, khí quản, phế quản, 2 lá phổi	– Trao đổi khí.
Hệ bài tiết	– Thận, ống dẫn nước tiểu, bóng đái và ống đái.	– Bài tiết nước tiểu.
Hệ thần kinh	– Não, tuỷ sống, dây thần kinh và hạch thần kinh.	– Tiếp nhận, trả lời kích thích của môi trường, điều hoà hoạt động các cơ quan.

PHIẾU HỌC TẬP MÔN LỊCH SỬ 8 TỪ NGÀY 6/9-18/9/2021
PHẦN 1: LỊCH SỬ THẾ GIỚI. LỊCH SỬ THẾ GIỚI CẬN ĐẠI
(TỪ GIỮA THẾ KỈ XVI ĐẾN NĂM 1917)

CHƯƠNG I: THỜI KỲ XÁC LẬP CỦA CHỦ NGHĨA TƯ BẢN
(GIỮA THẾ KỶ XVI- NỬA SAU THẾ KỶ XIX)

BÀI 1: NHỮNG CUỘC CÁCH MẠNG TƯ SẢN ĐẦU TIÊN

HS TRẢ LỜI CÁC CÂU HỎI SAU VÀO CHỖ CHẤM	NỘI DUNG GHI BÀI
Hoạt động 1 - Học sinh đọc thông tin SGK.	I. Sự biến đổi về KT- XH Tây Âu trong các thế kỷ XV- XVII. Cách mạng Hà Lan TK XVI 1. Một nền sản xuất mới ra đời (Đọc thêm)
Hoạt động 2 Nguyên nhân làm bùng nổ cách mạng Hà Lan? Trình bày diễn biến Cách mạng Hà Lan ? +HS: - T8. 1566..... - Năm 1581..... - Năm 1648 Cách mạng Hà Lan giành độc lập có ý nghĩa gì?	2. Cách mạng Hà Lan thế kỷ XVI. * Nguyên nhân: Kinh tế TBCN sớm phát triển nhưng thực dân Tây Ban Nha ngăn cản sự phát triển này. * Diễn biến: - T8. 1566: Nhân dân Nê-đéc-lan nổi dậy - Năm 1581: Các tỉnh miền Bắc Nê-đéc-lan được thành lập “các tỉnh liên hiệp” (Hà Lan) - Năm 1648: Hà Lan giành độc lập * Ý nghĩa: Là cuộc cách mạng tư sản đầu tiên trên thế giới, lật đổ ách thống trị của thực dân Tây ban Nha, mở đường cho CNTB phát triển.

HS TRẢ LỜI CÁC CÂU HỎI SAU	NỘI DUNG CHÍNH
Hoạt động 1 Tình hình kinh tế ở Anh TK XVI ? Kinh tế TBCN phát triển đem đến hệ quả gì?	II. Cách mạng tư sản Anh giữa TK XVII. 1. Sự phát triển của chủ nghĩa tư bản ở Anh. * Kinh tế: - Quan hệ sản xuất TBCN phát triển mạnh * Xã hội: - Xuất hiện giai cấp mới, tầng lớp mới (quý tộc mới) và những mâu thuẫn mới: Tư sản quý tộc mới > chế độ phong kiến ... => Nguyên nhân bùng nổ cách mạng.
Hoạt động 2 - Học sinh đọc SGK	2. Tiến trình cách mạng a. Giai đoạn 1 (1642-1648) b. Giai đoạn 2 (1649-1688)
Hoạt động 3 Ý nghĩa cuộc cách mạng tư sản Anh? “Cuộc cách mạng Anh đưa lại quyền lợi cho ai? Ai lãnh đạo cách mạng? Vì sao cách mạng Anh không triệt để?”	3. Ý nghĩa lịch sử của cách mạng tư sản Anh giữa TK XVII. - Là cuộc nội chiến đánh đổ quan hệ sản xuất phong kiến, mở đường cho quan hệ sản xuất TBCN phát triển. => Chỉ đem lại quyền lợi cho quý tộc mới và tư sản, quần chúng nông dân không được hưởng gì.
HS TRẢ LỜI CÁC CÂU HỎI SAU	NỘI DUNG CHÍNH

Hoạt động 1 - Học sinh đọc. Thực dân Anh thành lập 13 bang thuộc địa ở bắc Mĩ vào thời gian nào? Tình hình kinh tế ở bắc Mĩ như thế nào? Vì sao nhân dân các thuộc địa ở bắc Mĩ đầu tranh chống thực dân Anh? 	III. CHIẾN TRANH GIÀNH ĐỘC LẬP CỦA CÁC THUỘC ĐỊA ANH Ở BẮC MỸ 1. Tình hình các thuộc địa. Nguyên nhân của chiến tranh. - Từ TK XVII - TK XVIII, Thực dân Anh thành lập 13 thuộc địa ở bắc Mĩ - Kinh tế ở Bắc Mĩ sớm phát triển theo con đường TBCN nhưng bị thực dân Anh ngăn cản, kìm hãm.
Hoạt động 2 -HS đọc SGK	2. Diễn biến chiến tranh. Hs gạch ý chính trong sách
Hoạt động 3 Kết quả của cuộc đấu tranh giành độc lập ở bắc Mĩ? Khi một nhà nước mới ra đời, để quản lý đất nước thì phải làm gì? Em nhận xét gì về Hiến pháp 1787? - Ý nghĩa của cuộc CMTS Mĩ? 	3. Kết quả và ý nghĩa cuộc chiến tranh giành độc lập của các thuộc địa Anh ở bắc Mĩ. a. Kết quả: - Theo Hiệp ước Vec-xai 1783, Anh thừa nhận nền độc lập của 13 thuộc địa. - Một quốc gia tư sản mới ra đời- Hợp chủng quốc Mĩ (Mĩ) - 1787 Mĩ ban hành Hiến pháp mới. b. Ý nghĩa. - Là cuộc cách mạng tư sản lật đổ ách thống trị của thực dân và mở đường cho CNTB Mĩ phát triển. => Là cuộc CMTS không triệt để.

BÀI 2: CÁCH MẠNG TƯ SẢN PHÁP(1789 - 1794)

HS TRẢ LỜI CÁC CÂU HỎI SAU	NỘI DUNG CHÍNH
Hoạt động 1 Sự lạc hậu của nền nông nghiệp Pháp thể hiện ở những điểm nào?	I. NƯỚC PHÁP TRƯỚC CÁCH MẠNG. 1. Tình hình kinh tế. - Nông nghiệp: Lạc hậu, công cụ canh tác rất thô sơ - Công thương nghiệp: đã phát triển song lại bị chế độ phong kiến cản trở, kìm hãm.
Hoạt động 2 Tình hình chính trị Pháp trước cách mạng có đặc điểm gì? Ba đẳng cấp có vai trò như thế nào trong xã hội?	2. Tình hình chính trị- xã hội. - Là nước quân chủ chuyên chế. - Xã hội tồn tại ba đẳng cấp: Tăng lữ, quý tộc và đẳng cấp thứ 3 <pre>graph TD; Q[QUÝ TỘC] -- "+ Có mọi đặc quyền + Không phải đóng thuế" --> D[ĐẲNG CẤP THỨ BA]; D --> TS[Tư sản khác]; D --> ND[Nông dân]; D --> CL[Các tầng lớp khác];</pre> (Không có quyền, phải đóng thuế)

<i>Cho HS quan sát và mô tả H5-Sgk về tình cảnh nông dân Pháp?</i> 	3. Đấu tranh trên mặt trận tư tưởng. - Trào lưu tư tưởng triết học ánh sáng với những tên tuổi tiêu biểu: Mông-te- xki- ơ, Vôn-te, Rút- xơ... => Đả kích vào chế độ quân chủ chuyên chế thúc đẩy cách mạng nổ ra.
Hoạt động 4 <i>Sự khủng hoảng của chế độ quân chủ chuyên chế thể hiện ở những điểm nào?</i> 	II. Cách mạng bùng nổ. 1. Sự khủng hoảng của chế độ quân chủ chuyên chế. - Chế độ phong kiến ngày càng suy yếu → Nhà nước trở thành con nơ lớn. - Công thương nghiệp đình đốn sa sút.

	=> <i>Nhiều cuộc khởi nghĩa nông dân nổ ra.</i> 2. Mở đầu thắng lợi của cách mạng. - 5.5.1789: Hội nghị 3 đẳng cấp họp ở Véc-xai, song quyền lợi của đẳng cấp thứ ba không được thoả mãn. - 17.6.1789 Đẳng cấp thứ ba tự họp và tuyên bố Quốc hội lập hiến. - 14.7.1789 Khởi nghĩa vũ trang quần chúng tấn công pháo đài Baxti.
<u>Hoạt động 1</u>: Trình bày giai đoạn đầu tiên của cách mạng Pháp. Tình hình nước Pháp sau ngày 14-7? Qua những điều trên, em có nhận xét gì về Tuyên ngôn Nhân quyền và Dân quyền ? Tuyên ngôn và Hiến pháp phục vụ quyền lợi của ai là chủ yếu ? Quần chúng có được hưởng quyền lợi gì không ? 	III. SỰ PHÁT TRIỂN CỦA CÁCH MẠNG 1, Chế độ quân chủ lập hiến (từ ngày 14-7-1789 đến ngày 10-8-1792) - Tầng lớp đại tư sản lên cầm quyền, Lu-i XVI vẫn giữ ngôi vua. + Cuối 8-1789, Quốc hội thông qua bản Tuyên ngôn Nhân quyền và Dân quyền. + 9-1791, Hiến pháp được thông qua, xác lập chế độ quân chủ lập hiến. -Nhà vua liên kết với bọn phản động trong và ngoài nước chống

	phá cách mạng. 1792, Tổ quốc lâm nguy. =>10-8-1792 nhân dân Pa-ri đứng lên lật đổ phái Lập hiến và xoá bỏ chế độ phong kiến.
<u>Hoạt động 2</u>: Trình bày giai đoạn nền cộng hoà đầu tiên của nước Pháp.	<i>2, Bước đầu của nền cộng hoà (từ ngày 21-9-1792 đến ngày 2-6-1793)</i> - Tư sản công thương nghiệp nắm chính quyền, gọi là phái Gi-rông-đanh. + 21-9-1792, nền cộng hoà được thành lập. + 21-1-1793, xử tử vua Lu-i XVI. ->Chiến thắng ngoại xâm. - Mùa xuân 1793, nước Pháp gặp khó khăn. - Phái Gi-rông -đanh bất lực trước tình hình. -> Ngày 2-6-1793, nhân dân Pa-ri dưới sự lãnh đạo của Rô-be-spie, đã khởi nghĩa thắng lợi lật đổ phái Gi-rông-đanh.
<u>Hoạt động 3</u>: Trình bày giai đoạn chuyên chính dân chủ cách mạng Gia-cô-banh. Hỏi: Việc làm đầu tiên của phái Gia-cô-banh là gì ? Hỏi: Nêu những chính sách của phái Gia-cô-banh? Hỏi: Em có nhận xét gì về những biện pháp của chính quyền Gia-cô-banh?	<i>3, Chuyên chính dân chủ cách mạng Gia-cô-banh(từ ngày 2-6-1793 đến 27-7-1794)</i> - Phái Gia-cô-banh(dân chủ cách mạng) nắm chính quyền. + Quốc hội cử ra uỷ ban cứu nước do Rô-be-spie đứng đầu. + Thi hành nhiều chính sách tiến bộ.(SGK)

..... 	->26-6-1794, quân đội cách mạng chiến thắng ngoại xâm, nội phản. - 27-7-1794, tư sản phản cách mạng tiến hành đảo chính. Rô-be-spie bị xử tử. Cách mạng tư sản Pháp kết thúc.
Trình bày ý nghĩa, tính chất, bài học kinh nghiệm của cmts Pháp. Vì sao nói Cách mạng tư sản Pháp 1789-1794 là cuộc cách mạng triệt để nhất? (đặc biệt là giải quyết vấn đề ruộng đất) 	4, Ý nghĩa lịch sử của Cách mạng tư sản Pháp cuối thế kỉ XVIII - Ý nghĩa: + Là cuộc cách mạng triệt để nhất (lật đổ chế độ phong kiến, đưa giai cấp tư sản lên cầm quyền, mở đường cho chủ nghĩa tư bản phát triển nhanh chóng). + Góp phần thúc đẩy cuộc đấu tranh cho mục tiêu dân tộc, dân chủ ở nhiều nước châu Âu và thế giới . - Bài học kinh nghiệm: kiên quyết đấu tranh bảo vệ Tổ quốc, bảo vệ thành quả của cách mạng. - Hạn chế: SGK

Tuần 2

BÀI THỰC HÀNH 1: LÀM QUEN VỚI FREE PASCAL

1. Mục đích, yêu cầu:

- Bước đầu làm quen với môi trường lập trình Free Pascal, nhận diện màn hình soạn thảo, cách mở các bảng chọn và chọn lệnh.
- Gõ được một chương trình Pascal đơn giản.
- Biết cách dịch, sửa lỗi trong chương trình, chạy chương trình và xem kết quả.

2. Nội dung:

Bài 1: Làm quen với việc khởi động và thoát khỏi Free Pascal. Nhận biết các thành phần trên màn hình của Free Pascal.

Bài 2: Soạn thảo, lưu, dịch và chạy một chương trình đơn giản.

Bài 3: Tìm hiểu một số lỗi của chương trình và thông báo lỗi.

3. Tổng kết: Xem SGK/18

BÀI 1: MÁY TÍNH VÀ CHƯƠNG TRÌNH MÁY TÍNH

1. Con người ra lệnh cho máy tính như thế nào.

- Con người chỉ dẫn cho máy tính thực hiện thông qua lệnh.

2. Ví dụ: Rô-bốt nhặt rác

- Xem SGK.

3. Viết chương trình – ra lệnh cho máy tính làm việc.

- Chương trình máy tính là một dãy các câu lệnh mà máy tính có thể hiểu và thực hiện được.

4. Chương trình và ngôn ngữ lập trình.

- Ngôn ngữ máy là các dãy bit.
- Ngôn ngữ lập trình là ngôn ngữ dùng để viết các chương trình.
- Chương trình dịch là chương trình chuyển đổi sang ngôn ngữ máy.
- Chương trình soạn thảo, chương trình dịch, các công cụ trợ giúp tìm kiếm, sửa lỗi và thực hiện chương trình thường được kết hợp vào một phần mềm, được gọi là môi trường lập trình.

Đại số tuần 1,2

Chương 1:

PHÉP NHÂN VÀ PHÉP CHIA CÁC ĐA THỨC

Bài 1. Nhân đơn thức với đa thức

1. Quy tắc

?1 - Hãy viết một đơn thức và một đa thức tùy ý

- Hãy nhân đơn thức đó với từng hạng tử của đa thức vừa viết
- Hãy cộng các tích vừa tìm được

Giải: $5x \cdot (7x^3 + x - 3) = 5x \cdot 7x^3 + 5x \cdot x + 5x \cdot (-3)$
 $= 35x^4 + 5x^2 - 15x$

Muốn nhân một đơn thức với một đa thức ta

Nhân đơn thức với từng hạng tử của đa thức rồi cộng các tích lại với nhau.

Tổng quát: A, B, C là các đơn thức

$$A(B \pm C) = A.B \pm A.C$$

2. Áp dụng

VD 1: Làm tính nhân:

$$\begin{aligned} & (-2x^3) \cdot (x^2 + 5x - \frac{1}{2}) \\ &= (-2x^3) \cdot x^2 + (-2x^3) \cdot 5x + (-2x^3) \cdot (-\frac{1}{2}) \\ &= -2x^5 - 10x^4 + x^3 \end{aligned}$$

?2 Làm tính nhân

$$\begin{aligned} & \left(3x^3y - \frac{1}{2}x^2 + \frac{1}{5}xy \right) \cdot 6xy^3 \\ &= 3x^3y \cdot 6xy^3 - \frac{1}{2}x^2 \cdot 6xy^3 + \frac{1}{5}xy \cdot 6xy^3 \\ &= 18x^4y^4 - 3x^3y^3 + \frac{6}{5}x^2y^4 \end{aligned}$$

?3 Một mảnh vườn hình thang có đáy lớn bằng $(5x + 3)$ mét, đáy nhỏ bằng $(3x + y)$ mét, chiều cao bằng $2y$ mét.

- Hãy viết biểu thức tính diện tích mảnh vườn nói trên theo x và y .

- Tính diện tích mảnh vườn nếu cho $x = 3$ mét và $y = 2$ mét.

Giải: Diện tích mảnh vườn

$$\frac{(5x + 3 + 3x + y).2y}{2} = (8x + 3 + y)y$$
$$= 8xy + 3y + y^2 (m^2).$$

Thay $x=3$ m và $y=2$ m vào đa thức trên ta được:

$$8.3.2 + 3.2 + 2^2 = 48 + 6 + 4 = 58(m^2).$$

Ví dụ 2: Tìm x, biết :

$$2x(x - 5) - x(3 + 2x) = 26$$

$$\square 2x^2 - 10x - 3x - 2x^2 = 26$$

$$\square -13x = 26$$

$$\square x = -2$$

BÀI TẬP (làm vào vở bài tập Đại số) :

Bài 1, bài 2, bài 3 / trang 5 , SGK

Bài 2. Nhân đa thức với đa thức

1. Quy tắc

Muốn nhân 1 đa thức với 1 đa thức ta nhân mỗi hạng tử của đa thức này với từng hạng tử của đa thức kia rồi cộng các tích với nhau.

$$(A+B).(C+D) = A.C+A.D+B.C+B.D$$

Ví dụ 1: Thực hiện phép tính

a, $(x - 3)(x^2 + 2x - 1)$

$$= x.x^2 + x.2x - x.1 - 3.x^2 - 3.2x + 3.1$$

$$= x^3 + 2x^2 - x - 3x^2 - 6x + 3$$

$$= x^3 - x^2 - 7x + 3$$

b, $(5x - 2y)(x^2 - xy + 1)$

$$\begin{aligned}
&= 5x \cdot x^2 - 5x \cdot xy + 5x \cdot 1 - 2y \cdot x^2 + 2y \cdot xy - 2y \cdot 1 \\
&= 5x^3 - 5x^2y + 5x - 2x^2y + 2xy^2 - 2y \\
&= 5x^3 - 7x^2y + 2xy^2 + 5x - 2y
\end{aligned}$$

?1 $(\frac{1}{2}xy - 1)(x^3 - 2x - 6)$

$$= \frac{1}{2}xyx^3 - \frac{1}{2}xy \cdot 2x - \frac{1}{2}xy \cdot 6 - x^3 + 2x + 6$$

$$= \frac{1}{2}x^4y - x^2y - 3xy - x^3 + 2x + 6$$

2. Áp dụng

?2 Làm tính nhân

a, $(x + 3)(x^2 + 3x - 5)$ (ĐS : $x^3 + 6x^2 + 4x - 15$)

b, $(xy - 1)(xy + 5)$ (ĐS : $x^2y^2 + 4xy - 5$)

?3 Viết biểu thức tính diện tích của một chữ nhật theo x và y, biết hai kích thước của hình chữ nhật đó là $(2x + y)$ và $(2x - y)$.

Áp dụng : Tính diện tích của hình chữ nhật khi $x = 2,5\text{m}$ ét và $y = 1\text{m}$ ét .

(ĐS: a, $S = 4x^2 - y^2$ $S=24\text{m}^2$)

BÀI TẬP (làm vào vở bài tập Đại số) :

Bài 7, bài 8, bài 9 / trang 8 , SGK

CHỦ ĐỀ 2: HẸNG ĐẲNG THỨC

A. LÝ THUYẾT

1. Bình phương của một tổng

Với A và B là các biểu thức, ta có: $(A + B)^2 = A^2 + 2AB + B^2$

Áp dụng

Tính $(x + 2)^2$

$$(x + 2)^2 = x^2 + 2 \cdot x \cdot 2 + 2^2$$

Viết biểu thức $x^2 + 6x + 9$ dưới dạng bình phương một tổng

$$x^2 + 6x + 9 = x^2 + 2 \cdot x \cdot 3 + 3^2$$

$$= x^2 + 4x + 4$$

$$= (x+3)^2$$

2. Bình phương một hiệu

Với A và B là các biểu thức, ta có: $(A-B)^2 = A^2 - 2AB + B^2$

Áp dụng

Tính $\left(x - \frac{1}{2}\right)^2$

$$\begin{aligned}\left(x - \frac{1}{2}\right)^2 &= x^2 - 2 \cdot x \cdot \frac{1}{2} + \left(\frac{1}{2}\right)^2 \\ &= x^2 - x + \frac{1}{4}\end{aligned}$$

Tính $(2x - y)^2$

$$\begin{aligned}(2x - y)^2 &= (2x)^2 - 2 \cdot 2x \cdot y + y^2 \\ &= 4x^2 - 4xy + y^2\end{aligned}$$

3. Hiệu hai bình phương

Với A và B là các biểu thức, ta có: $A^2 - B^2 = (A+B)(A-B)$

Áp dụng

Tính $(x+1)(x-1)$

$$\begin{aligned}(x+1)(x-1) &= x^2 - 1^2 \\ &= x^2 - 1\end{aligned}$$

Tính $(x-2y)(x+2y)$

$$\begin{aligned}(x-2y)(x+2y) &= x^2 - (2y)^2 \\ &= x^2 - 4y^2\end{aligned}$$

4. Lập phương một tổng

Với A và B là các biểu thức, ta có: $(A+B)^3 = A^3 + 3A^2B + 3AB^2 + B^3$

Áp dụng

Tính $(x+1)^3$

$$\begin{aligned}(x+1)^3 &= x^3 + 3 \cdot x^2 \cdot 1 + 3 \cdot x \cdot 1^2 + 1^3 \\ &= x^3 + 3x^2 + 3x + 1\end{aligned}$$

Tính $(2x+1)^3$

$$\begin{aligned}(2x+1)^3 &= (2x)^3 + 3 \cdot (2x)^2 \cdot 1 + 3 \cdot 2x \cdot 1^2 + 1^3 \\ &= 8x^3 + 12x^2 + 6x + 1\end{aligned}$$

5. Lập phương một hiệu

Với A và B là các biểu thức, ta có: $(A - B)^3 = A^3 - 3A^2B + 3AB^2 - B^3$

Áp dụng

Tính $(x - 2)^3$

$$(x - 2)^3 = x^3 - 3.x^2.2 + 3.x.2^2 - 2^3 = x^3 - 6x^2 + 12x - 8$$

6. Tổng hai lập phương

Với A và B là các biểu thức, ta có: $A^3 + B^3 = (A + B)(A^2 - AB + B^2)$

Áp dụng

Tính $(x + 1)(x^2 - x + 1)$

$$(x + 1)(x^2 - x + 1) = x^3 + 1$$

7. Tổng hai lập phương

Với A và B là các biểu thức, ta có: $A^3 - B^3 = (A - B)(A^2 + AB + B^2)$

Áp dụng

Tính $(x - 1)(x^2 + x + 1)$

$$(x - 1)(x^2 + x + 1) = x^3 - 1$$

B. BÀI TẬP

Bài 1. Khai triển

1) $(3 + x)^2$

2) $(x + 5)^2$

3) $(7 - x)^2$

4) $(2x + 1)^2$

5) $(1 - 3x)^2$

6) $(5x - 1)^2$

Bài 2. Viết tổng sau thành bình phương của một tổng-hiệu

1) $x^2 + 4x + 4$

2) $x^2 + 10x + 25$

3) $9 + 12x + 4x^2$

4) $x^2 - 8x + 16$

5) $1 - 4x + 4x^2$

6) $36 - 12x + x^2$

Bài 3. Rút gọn

1) $(x + 2)^2 + (3 - x)^2$

2) $(4 - x)^2 - (x - 3)^2$

$$3) (5-x)(5+x) + (x-5)^2$$

$$4) (2x+3)^2 - (2x-3)(2x+3)$$

Bài 4. Tìm x

$$1) (x+1)^2 - (2-x)^2 = 4$$

$$2) (x+7)^2 - x(x-3) = 12$$

$$3) (x-3)^2 - (x-4)(x+4) = 0$$

$$4) (4-3x)^2 - (3x-1)^2 = 5$$

Bài 5. Khai triển

$$1) (x+1)^3$$

$$2) (2x+1)^3$$

$$3) (1-y)^3$$

$$4) (2x-3)^3$$

Bài 6. Tìm x

$$1) (x-3)^3 + x(1-x) = 3$$

$$2) (x+1)^3 - x^2(x+3) = 2$$

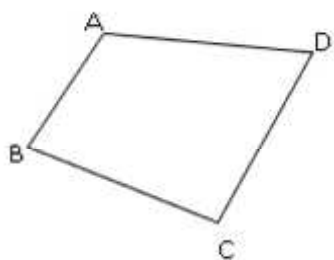
Hình học tuần 1,2

Bài 1. TỨ GIÁC

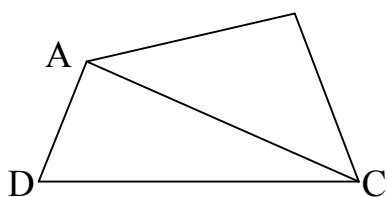
1, Định nghĩa

Tứ giác ABCD là hình gồm 4 đoạn thẳng AB,BC,CD,DA trong đó bất kì hai đoạn thẳng nào cũng không cùng nằm trên một đường thẳng.

Tứ giác lồi là một tứ giác luôn nằm trong một nửa mặt phẳng có bờ là đường thẳng chứa bất kì cạnh nào của tứ giác.



2/ Tổng các góc trong một tứ giác.



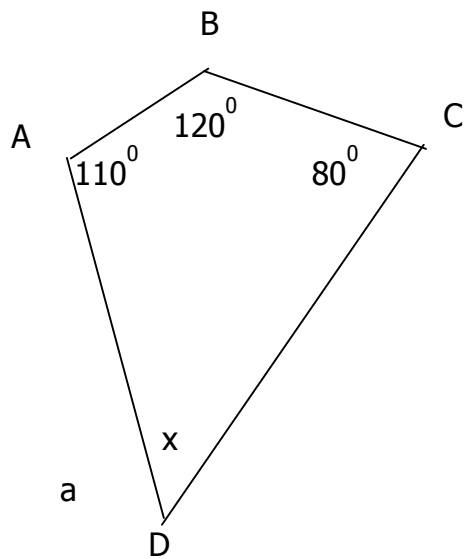
Định lí: Tổng các góc trong của 1 tứ giác bằng 360^0 .

$$\hat{A} + \hat{B} + \hat{C} + \hat{D} = 360^0$$

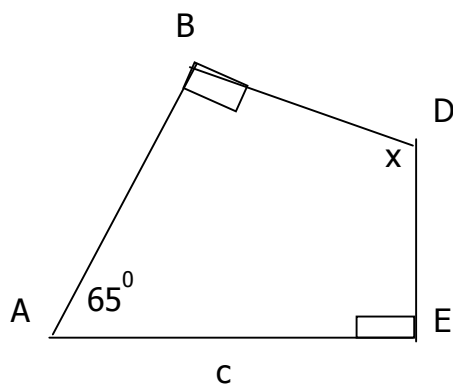
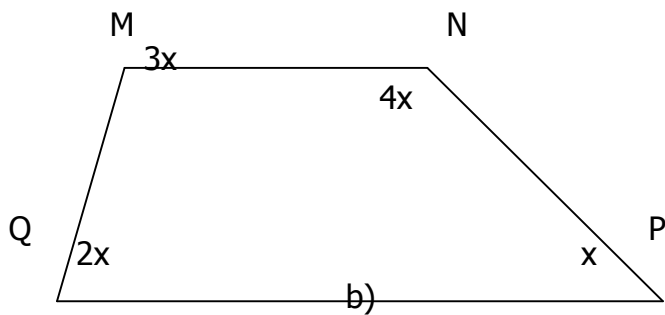
3. Bài tập

Bài 1. Tìm x hình sau

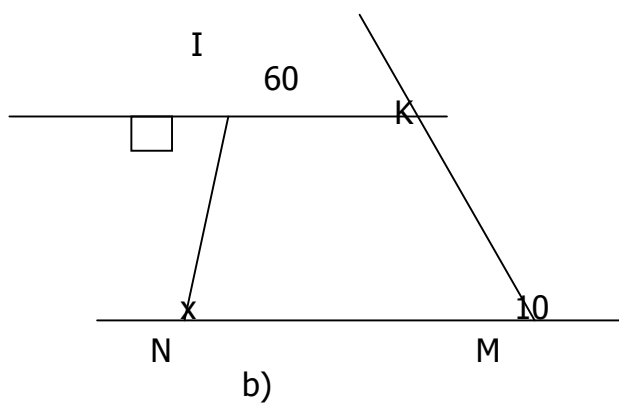
ĐS: a, $x = 50^0$



ĐS : b, $x = 36^0$



c, $x = 115^0$



d, $x = 65^0$

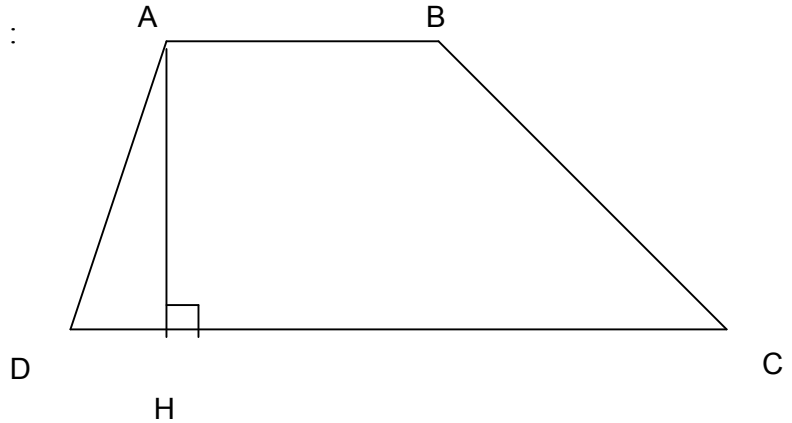
Bài 2 HÌNH THANG

I. Định nghĩa :

Hình thang là tứ giác có hai cạnh đối song song.

Hình thang ABCD ($AB \parallel CD$) :

- AB , CD : cạnh đáy
- BC , AD : cạnh bên
- AH là một đường cao

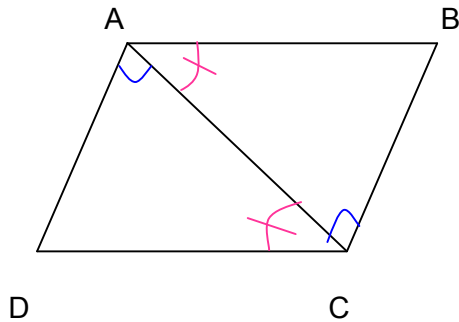


? 2

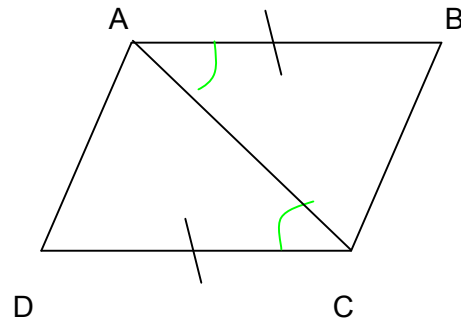
Hình thang ABCD có đáy AB, CD.

a) Cho biết $AD \parallel BC$. Chứng minh rằng $AD = BC$, $AB = CD$.

b) Cho biết $AB = CD$. Chứng minh rằng $AD \parallel BC$, $AD = BC$.



Hình 16



Hình 17

a) Nối AC

Có $\triangle ACD = \triangle CAB$ (g.c.g)

Suy ra $AD = BC$, $AB = CD$

(Các cạnh tương ứng)

b) Nối AC

Có $\triangle ACD = \triangle CAB$ (c.g.c)

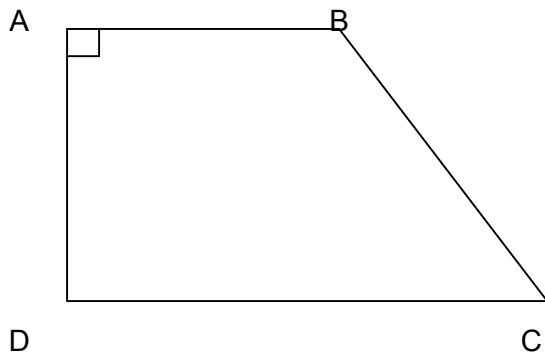
Suy ra : $AD = BC$

$\angle DAC = \angle ACB$

Hai góc ở vị trí so le trong $\Rightarrow AD \parallel BC$

II Hình thang vuông

Định Nghĩa: Hình thang vuông là hình thang có 1 góc vuông.

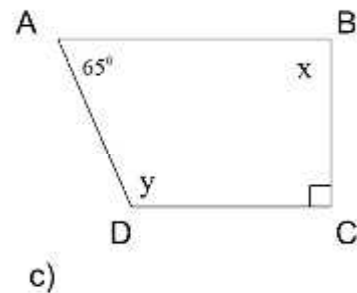
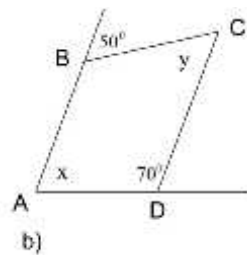
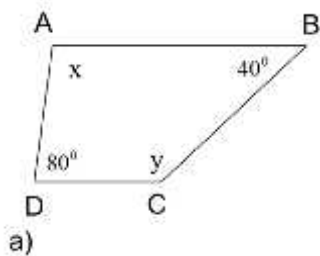


Hình thang ABCD có

$$AB \parallel CD \text{ và } \hat{A} = 90^\circ$$

III Luyện tập

Bài 1 : Chọn cặp giá trị x, y biết rằng ABCD là hình thang có đáy là AB, C



a) $x = 100^\circ, y = 140^\circ$

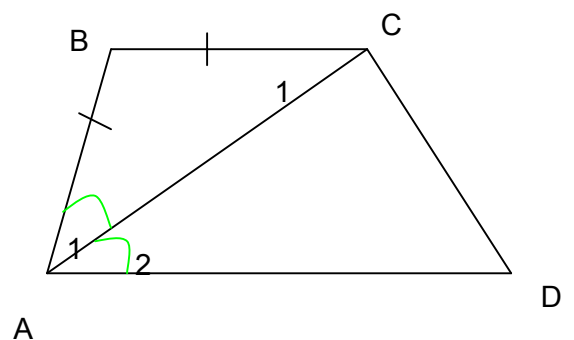
b) $x = 70^\circ, y = 50^\circ$

c) $x = 90^\circ, y = 115^\circ$

Bài 9: SGK trang 71

Tứ giác ABCD có $AB = BC$ và AC là tia phân giác của góc A. Chứng minh rằng ABCD là hình thang.

GT	Tứ giác ABCD
	$AB = BC$ AC là tia phân giác góc A
KL	ABCD là hình thang



$$\text{Có } AB = BC \Rightarrow \triangle BAC \Rightarrow \hat{A}_1 = \hat{C}_1$$

$$\text{Có } \hat{A}_1 = \hat{A}_2 \text{ nên } \hat{C}_1 = \hat{A}_2$$

Suy ra $BC \parallel AD$.

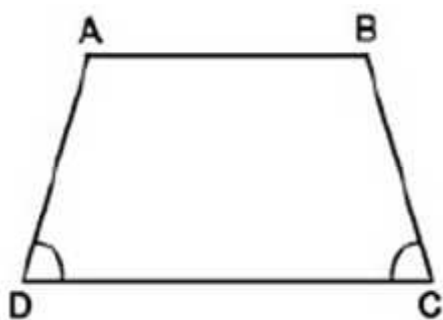
Vậy ABCD là hình thang.

Bài về nhà : 6, 8, 10 SGK / 71

HÌNH THANG CÂN

1. Định nghĩa

Hình thang cân là hình thang có hai góc kề một đáy bằng nhau.



Tứ giác ABCD là hình thang cân (đáy AB; CD)

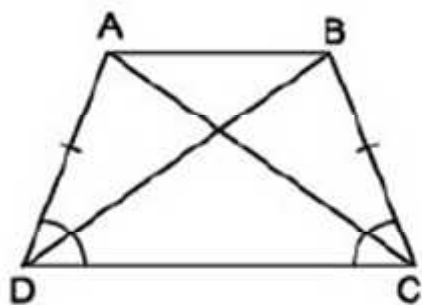
$$\square AB \parallel CD \text{ và } \hat{C} = \hat{D} \text{ hoặc } \hat{A} = \hat{B}$$

2. Tính chất

Định lí 1: Trong hình thang cân, hai cạnh bên bằng nhau.

GT	ABCD là hình thang cân ($AB \parallel CD$)
KL	$AD = BC$

Định lí 2: Trong hình thang cân, hai đường chéo bằng nhau.



GT	ABCD là hình thang cân ($AB \parallel CD$)
KL	$AC = BD$

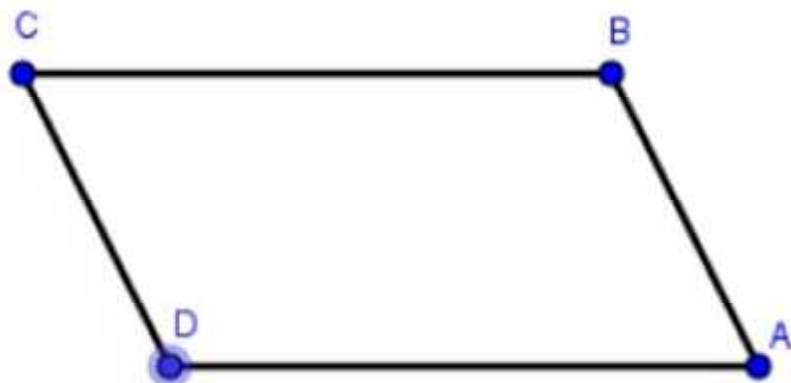
Định lí 3: Hình thang có hai đường chéo bằng nhau là hình thang cân.

3. Dấu hiệu nhận biết hình thang cân

1. Hình thang có hai góc kề một đáy bằng nhau là hình thang cân.
2. Hình thang có hai đường chéo bằng nhau là hình thang cân.

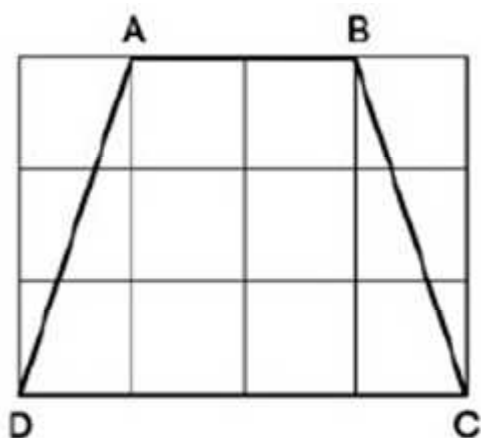
Lưu ý:

Hình thang cân thì có 2 cạnh bên bằng nhau nhưng hình thang có 2 cạnh bên bằng nhau chưa chắc là hình thang cân. Ví dụ như hình vẽ dưới đây:



B. BÀI TẬP

Bài 1. Tính độ dài các cạnh của hình thang cân ABCD trên giấy kẻ ô vuông (h.30, độ dài của cạnh ô vuông là 1cm).



E

Hướng dẫn:

Theo hình vẽ, ta có: $AB = 2\text{cm}$, $CD = 4\text{cm}$.

Áp dụng định lí Pitago trong tam giác vuông AED ta được:

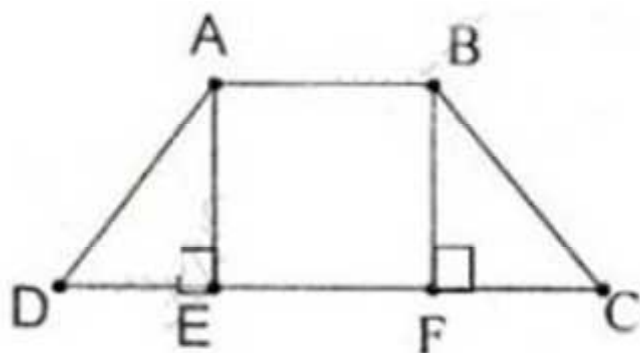
$$AD^2 = AE^2 + ED^2 = 3^2 + 1^2 = 10.$$

Suy ra $AD = \sqrt{10}\text{cm}$

Vậy $AB = 2\text{cm}$, $CD = 4\text{cm}$, $AD = BC = \sqrt{10}\text{cm}$

Bài 2. Cho hình thang cân ABCD ($AB \parallel CD$, $AB < CD$). Kẻ các đường cao AE, BF của hình thang. Chứng minh rằng $DE = CF$.

Hướng dẫn:



Xét hai tam giác vuông AED và BFC

Ta có: $AD = BC$ (gt)

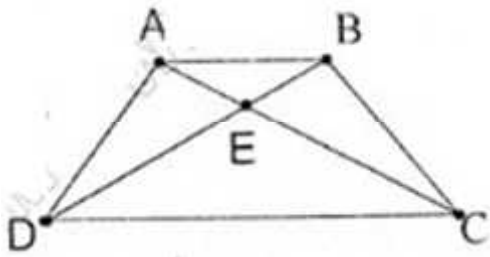
$$\widehat{D} = \widehat{C} \text{ (gt)}$$

Nên $\triangle AED = \triangle BFC$ (cạnh huyền – góc nhọn)

Suy ra: $DE = CF$.

Bài 3. Cho hình thang cân ABCD ($AB \parallel CD$), E là giao điểm của hai đường chéo. Chứng minh rằng $EA = EB$, $EC = ED$.

Hướng dẫn:



(*) Chứng minh $EA = EB$; $EC = ED$

Ta có ABCD là hình thang cân nên $AB \parallel CD$ $\Rightarrow AD = BC$ và $\widehat{ADC} = \widehat{BCD}$

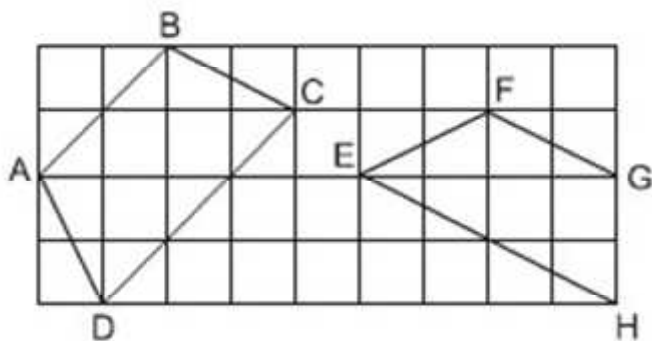
DC là cạnh chung của $\triangle ADC$ và $\triangle BCD$

$\Rightarrow \triangle ADC = \triangle BCD$ (c.g.c) $\Rightarrow \widehat{ACD} = \widehat{BDC}$.

Ta có: $\widehat{ACD} = \widehat{BDC}$ $\Rightarrow \widehat{ECD} = \widehat{ECB}$ $\Rightarrow \triangle ECD$ cân tại E $\Rightarrow ED = EC$

Tương tự cách chứng minh trên ta chứng minh: $EA = EB$

Bài 4. Đố. Trong các tứ giác ABCD, EFGH trên giấy kẻ ô vuông (h.31), tứ giác nào là hình thang cân? Vì sao?



Hình 31

Hướng dẫn:

Để xét xem tứ giác nào là hình thang cân ta dùng tính chất "Trong hình thang cân hai cạnh bên bằng nhau".

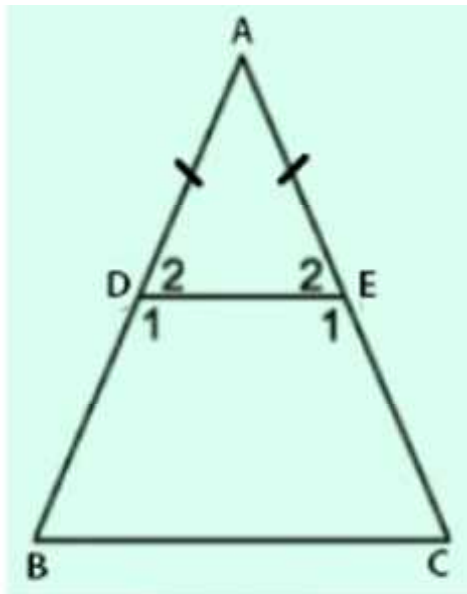
Tứ giác ABCD là hình thang cân vì $AD = BC$.

Tứ giác EFGH không là hình thang cân vì $EF > GH$.

Bài 5: Cho tam giác ABC cân tại A. Trên các cạnh bên AB, AC lấy theo thứ tự các điểm D, E sao cho $AD = AE$

- Chứng minh rằng BDEC là hình thang cân.
- Tính các góc của hình thang cân đó, biết rằng góc $A = 50^\circ$.

Hướng dẫn:



a) Ta có $AD = AE$ (gt) nên $\triangle ADE$ cân

Do đó $\widehat{D_2} = \widehat{E_2}$

Trong tam giác ADE có: $\widehat{D_2} + \widehat{E_2} + \widehat{A} = 180^\circ$

Hay $2\widehat{D_2} = 180^\circ - \widehat{A} \Rightarrow \widehat{D_2} = (180^\circ - \widehat{A})/2$

Tương tự trong tam giác cân ABC ta có $\widehat{B} = (180^\circ - \widehat{A})/2$

Nên $\widehat{D_2} = \widehat{B}$ mà góc $\widehat{D_2}, \widehat{B}$ là hai góc đồng vị.

Suy ra $DE \parallel BC$

Do đó BDEC là hình thang.

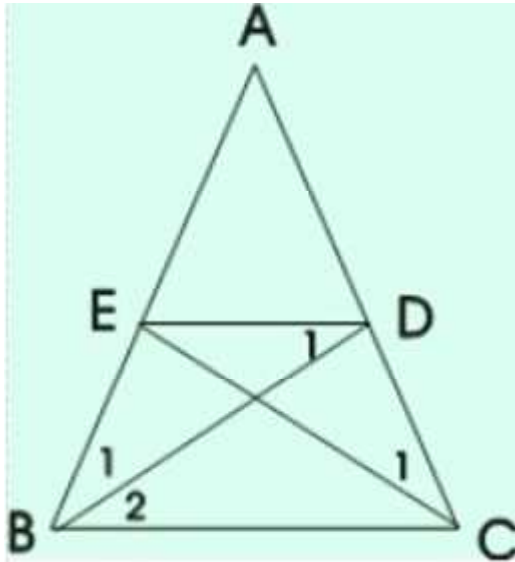
Lại có $\triangle ABC$ cân tại A $\Rightarrow \widehat{B} = \widehat{C}$ Nên BDEC là hình thang cân.

b) Với $\hat{A} = 50^\circ$ Ta được $\hat{B} = \hat{C} = (180^\circ - \hat{A})/2 = (180^\circ - 50^\circ)/2 = 65^\circ$

$$\hat{D}_1 = \hat{E}_1 = 180^\circ - \hat{B} = 180^\circ - 65^\circ = 115^\circ$$

Bài 6: Cho tam giác ABC cân tại A, các đường phân giác BD, CE (D ∈ AC, E ∈ AB). Chứng minh rằng BEDC là hình thang cân có đáy nhỏ bằng cạnh bên.

Hướng dẫn:



a) $\triangle ABD$ và $\triangle ACE$ có:

$$AB = AC \text{ (gt)}$$

$$\hat{A} \text{ chung; } \hat{B}_1 = \hat{C}_1$$

$$\left(= \frac{1}{2} \hat{B} = \frac{1}{2} \hat{C} \right)$$

Nên $\triangle ABD = \triangle ACE$ (g.c.g)

Suy ra $AD = AE$ và $BD = EC$

Từ $AD = AE \Rightarrow \triangle AED$ cân tại Elý luận tương tự bài 5 để suy ra

$$\hat{AED} = (180^\circ - \hat{A})/2$$

$$\hat{ABC} = (180^\circ - \hat{A})/2$$

$\Rightarrow \hat{AED} = \hat{ABC}$ mà hai góc ở vị trí đồng vị $\Rightarrow BC$ song song $ED \Rightarrow BEDC$ là hình thang, lại có hai đường chéo $BD = EC \Rightarrow BEDC$ là hình thang cân

b) Vì BEDC là hình thang cân nên $DE \parallel BC$.

Suy ra $\widehat{D_1} = \widehat{B_2}$ (so le trong)

Lại có $\widehat{B_2} = \widehat{B_1}$ nên $\widehat{B_1} = \widehat{D_1}$

Do đó tam giác EBD cân. Suy ra $EB = ED$.

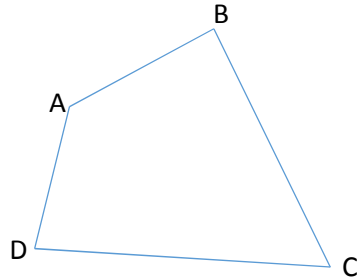
Vậy BEDC là hình-thang-cân có đáy nhỏ bằng cạnh bên.

Chương I: TỨ GIÁC

Bài 1: TỨ GIÁC

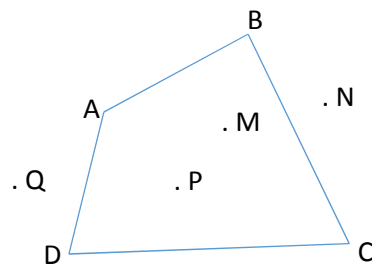
I> Định nghĩa

Tứ giác ABCD là hình gồm 4 đoạn thẳng AB, BC, CD, DA, trong đó bất kì hai đoạn thẳng nào cũng không cùng nằm trên một đường thẳng.



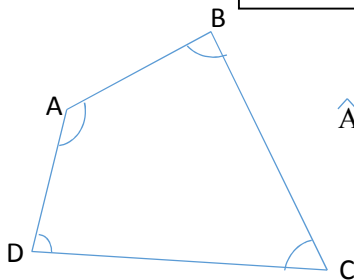
Chú ý: Khi nói đến tứ giác mà không nói gì thêm thì ta hiểu đó là tứ giác lồi

?



II> Tổng các góc của một tứ giác

Tổng ba góc của một tam giác bằng 360^0



$$\hat{A} + \hat{B} + \hat{C} + \hat{D} = 360^0$$